

THÔNG TƯ**Quy định Tiêu chuẩn chức danh sĩ quan
chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14, Luật số 52/2024/QH15, Luật số 98/2025/QH15 và Luật số .../2026/QH16.

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định Tiêu chuẩn chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về phẩm chất và năng lực, điều kiện cần có, tiêu chuẩn áp dụng đối với các chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tạp chí quốc tế có uy tín, Tạp chí khoa học trong nước có uy tín, Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế, Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế bằng tiếng Anh, Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc gia, Sách chuyên khảo, Giáo trình, Tác giả chính... là các khái niệm được quy định tại Điều 2 Thông tư số 37/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh khoa học, chức danh công nghệ; thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

2. Bài báo khoa học là bài báo thể hiện công trình khoa học của tác giả được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam.

3. Nhiệm vụ kỹ thuật là các nhiệm vụ được thực hiện để triển khai các hoạt động của công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch tiêu chuẩn chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Công tác cán bộ phải thực hiện đúng quy định của Quân ủy Trung ương và tiêu chuẩn đối với các chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ được quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Điều kiện được xét chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ

1. Đủ điều kiện về tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 9 và các tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh tại Chương II Thông tư này.

2. Ứng viên tham gia xét duyệt chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ phải đang làm việc đúng chuyên ngành phù hợp với chuyên môn.

3. Việc xét chuyển từ chức danh ngành này sang chức danh ngành khác cùng hạng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Ứng viên được bố trí sang công tác ở ngành khác cùng hạng với ngành đang đảm nhiệm;

b) Đáp ứng đúng tiêu chuẩn của chức danh ngành mới.

4. Trong thời gian 01 năm cuối tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ứng viên không vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên, không để xảy ra mất an toàn do trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo gây ra.

5. Nhà giáo được công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư được đề nghị xét công nhận chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I) hoặc Giáo viên cao cấp (hạng I).

6. Điều kiện qua thực tế đối với giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) thuộc học viện, trường sĩ quan, trường đại học được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không bố trí đi thực tế được đối với nữ giảng viên thì có thể được thay thế bằng một trong các điều kiện sau:

a) Là tác giả của 02 bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, liên ngành hoặc 02 tham luận được đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp trường trở lên;

b) Chủ trì 01 hoặc tham gia 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 2 và đã được nghiệm thu, đánh giá Đạt trở lên;

c) Chủ trì biên soạn 01 hoặc tham gia biên soạn 02 giáo trình, tài liệu hoặc tác giả chính 01 sách tham khảo, sách chuyên khảo sử dụng trong giảng dạy cho các đối tượng đào tạo của trường;

d) Hướng dẫn 01 học viên cao học hoặc 01 học viên đào tạo bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú hoặc 02 học viên đại học đã bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp, đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc 01 học viên đạt giải Ba trở lên tại các cuộc thi cấp bộ, cấp quốc gia, cấp quốc tế, giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic hoặc 01 học viên nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở được đánh giá, nghiệm thu Đạt trở lên.

Nội dung thay thế không được tính vào thành tích khoa học tiêu chuẩn quy định đối với chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ tương ứng.

Điều 6. Phân cấp đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ kỹ thuật

Đề tài, nhiệm vụ khoa học, nhiệm vụ kỹ thuật được phân loại như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt là nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp bộ, cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Thủ trưởng cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc cấp dưới trực tiếp quyết định danh mục và quyết định nghiệm thu hoặc ủy quyền nghiệm thu được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Các trường hợp được miễn điều kiện về ngoại ngữ và công nghệ thông tin

1. Các trường hợp được miễn điều kiện về ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam;

d) Được nhà nước công nhận Giáo sư, Phó Giáo sư;

đ) Từ đủ 52 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 47 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31/12 của năm xét duyệt chức danh.

2. Các trường hợp được miễn điều kiện về công nghệ thông tin: Có bằng tốt nghiệp trung cấp công nghệ thông tin, trung cấp tin học trở lên.

Điều 8. Tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn đối với các chức danh thuộc ngành nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ

1. Tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, gồm:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ kỹ thuật các cấp được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ, gồm tác giả của: sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền; các sản phẩm được cấp Bằng bảo hộ;

c) Bài báo khoa học; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học;

d) Sách chuyên khảo, giáo trình.

2. Việc tính điểm quy đổi được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; mỗi kết quả hoạt động chuyên môn tại khoản 1 Điều này được quy đổi phải có nội dung phù hợp với chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ mà sĩ quan đang đảm nhiệm.

3. Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Trường hợp có nhiều tác giả cùng tham gia được xác định như sau: Có 2 tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 2/3 số điểm; có 3 tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/2 số điểm; có hơn 3 tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia. Trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia.

4. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.

Điều 9. Tiêu chuẩn chung

1. Về chính trị, tư tưởng

a) Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân; kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng; luôn đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân.

b) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước mọi khó khăn, thử thách; nhận thức và hành động thống nhất về tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức; giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng.

c) Tích cực nghiên cứu, học tập, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên cập nhật kiến thức mới và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn. Tuyệt đối chấp hành sự phân công của tổ chức, yên tâm công tác, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

2. Về phẩm chất đạo đức, lối sống và ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trung thực, khiêm tốn; chấp hành nghiêm quy định về trách nhiệm nêu gương và những điều đảng viên không được làm. Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý phải gương mẫu về phẩm chất đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm; năng động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách. Không háo danh, cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực và có tinh thần xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ;

b) Có lối sống trong sạch, lành mạnh; không tham nhũng, lãng phí, cơ hội, vụ lợi và không để gia đình, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm;

c) Thực hiện tốt “2 kiên định, 2 đầy mạnh, 2 ngăn ngừa”, phương châm “5 vững”, “6 rõ” và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, quy định của cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Về trình độ và năng lực

a) Là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, có trình độ phù hợp với chức danh chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ; có kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội, pháp luật và các lĩnh vực khác. Có trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin, chuyên đổi số đáp ứng theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, cụ thể: cán bộ có trình độ đại học phải đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên, sau đại học đạt bậc 4/6 trở lên (*bậc năng lực ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam*); cán bộ có trình độ đại học, sau đại học phải có năng lực số đạt bậc 4/8 trở lên, cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin đạt bậc 6/8 trở lên (*bậc năng lực số theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Khung năng lực số cho người học*). Đối với giảng viên giảng dạy ngoại ngữ thì năng lực ngoại ngữ thứ nhất phải đạt Bậc 5 trở lên, năng lực ngoại ngữ thứ hai phải đạt Bậc 3 trở lên. Trường hợp vị trí chức danh yêu cầu trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin, chuyên đổi số cao hơn, cán bộ phải bảo đảm yêu cầu của chức danh đảm nhiệm.

b) Có tư duy đổi mới, phương pháp tiếp cận khoa học, linh hoạt để quyết định vấn đề kịp thời, chính xác, hiệu quả; có năng lực thực tiễn, nắm chắc tình hình để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng thuộc lĩnh vực phụ trách. Có khả năng phát hiện các vấn đề mới và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn để đề xuất chủ trương, giải pháp thực hiện hiệu quả; có năng lực tham mưu, phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

c) Các chức danh nhà giáo phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

cho giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp đào tạo giảng viên thuộc các trường trong và ngoài Quân đội hoặc tốt nghiệp đào tạo cử nhân hệ sư phạm tại Học viện Chính trị, Trường Sĩ quan Chính trị. Thời gian đi thực tế, đi đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian giữ chức danh của Giảng viên, Giáo viên.

4. Về uy tín và khả năng quy tụ, đoàn kết: Được cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và quần chúng trong cơ quan, đơn vị tin tưởng, tín nhiệm cao; có khả năng quy tụ, đoàn kết nội bộ, không bè phái, cục bộ.

5. Về kết quả công tác: Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ trở lên; có thành tích, kết quả công tác gắn với sản phẩm cụ thể hoặc tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của cơ quan, đơn vị.

6. Về sức khỏe, độ tuổi: Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; tuổi phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ CỦA TỪNG CHỨC DANH

MỤC I. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 10. Nghiên cứu viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức khoa học chuyên ngành; nắm được tình hình và yêu cầu thực tiễn của Quân đội đối với chuyên ngành nghiên cứu, thành tựu và xu hướng phát triển về khoa học, công nghệ ở trong và ngoài nước; phương pháp nghiên cứu và các quy định về quản lý khoa học công nghệ và môi trường; có khả năng tổ chức nghiên cứu, xử lý thông tin, đánh giá kết quả nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;
- b) Có thời gian công tác đúng chuyên môn được đào tạo tối thiểu 02 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên. Trường hợp chưa đủ thời gian công tác đúng chuyên môn 02 năm phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN.

Điều 11. Nghiên cứu viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về chuyên ngành khoa học nghiên cứu; nắm được kiến thức một số ngành khoa học công nghệ liên quan, tình hình và yêu cầu thực tiễn của Quân đội đối với chuyên ngành nghiên cứu; nắm được thành tựu và xu hướng phát triển về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ở trong và ngoài nước; nắm vững các phương pháp nghiên cứu, các quy định quản lý khoa học, công nghệ

và môi trường; có năng lực chủ trì tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở, đánh giá kết quả nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp I trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có thời gian giữ chức danh Nghiên cứu viên (hạng III) tối thiểu 09 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục tính đến thời điểm đăng ký xét Nghiên cứu viên chính (hạng II) đang công tác tại các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở đào tạo của Quân đội. Trường hợp từ ngành khác chuyển sang phải có tổng thời gian giữ chức danh tương đương của các ngành tối thiểu 09 năm; trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Nghiên cứu viên (hạng III) thì phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN; hoặc có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm; hoặc đã qua giữ chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Đạt ít nhất 4,5 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó: Có ít nhất 3,0 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên; hoặc 1,5 điểm tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín và 1,0 điểm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên; hoặc 1,5 điểm tác giả chính sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền sáng chế và 1,0 điểm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên.

Điều 12. Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về ngành khoa học nghiên cứu; nắm vững kiến thức một số ngành khoa học công nghệ liên quan; nắm được tình hình và yêu cầu thực tiễn của Quân đội đối với chuyên ngành nghiên cứu; nắm được thành tựu và xu hướng phát triển về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ở trong và ngoài nước; nắm vững các phương pháp nghiên cứu, các quy định quản lý khoa học, công nghệ và môi trường; có năng lực chủ trì tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Bộ, cấp Quốc gia, đánh giá kết quả nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có thời gian giữ chức danh Nghiên cứu viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục tính đến thời điểm đăng ký xét Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) đang công tác tại các tổ chức nghiên cứu khoa

học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở đào tạo của Quân đội. Trường hợp từ ngành khác chuyển sang phải có tổng thời gian giữ chức danh tương đương của các ngành tối thiểu 06 năm; trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Nghiên cứu viên chính (hạng II) thì phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN; hoặc đã qua chức vụ chỉ huy cấp trung đoàn, lữ đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Đạt ít nhất 6,0 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó: Có ít nhất 3,5 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp Bộ Quốc phòng hoặc tương đương và 01 nhiệm vụ cấp cơ sở nhóm 1 hoặc tương đương trở lên; hoặc 2,5 điểm tác giả chính bài báo trên tạp chí khoa học có uy tín và 1,5 điểm chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở nhóm 1 trở lên; hoặc 2,5 điểm tác giả chính sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền sáng chế và 1,5 điểm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ cấp cơ sở nhóm 1 trở lên.

d) Sĩ quan được xét bổ nhiệm vào chức danh Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) mà không phụ thuộc vào hạng chức danh đang giữ và thời gian giữ chức nếu đang giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ, được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I).

MỤC II. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH KỸ SƯ

Điều 13: Kỹ sư (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm được phương hướng nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của ngành và đơn vị; nắm vững kiến thức về chuyên ngành kỹ thuật và hiểu biết về một số chuyên ngành kỹ thuật có liên quan; có hiểu biết chung về vũ khí trang bị kỹ thuật của ngành; nắm chắc nội dung, nghiệp vụ quản lý kỹ thuật và phương pháp tổ chức triển khai kỹ thuật tại đơn vị; nắm được các thông tin kinh tế và kỹ thuật ở trong và ngoài nước có liên quan đến chức danh đảm nhiệm; có khả năng soạn thảo các văn bản quản lý kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về kỹ thuật, công nghệ; chuyên ngành phù hợp phù hợp với chức danh đảm nhiệm;

b) Có thời gian công tác đúng chuyên môn được đào tạo tối thiểu 02 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên. Trường hợp chuyển từ ngành khác sang phải có thời gian công tác ở ngành kỹ thuật và công nghệ tối thiểu 01 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian công tác đúng chuyên môn 02 năm phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN.

Điều 14: Kỹ sư chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về định hướng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung, phương hướng nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của ngành nói riêng; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật của chuyên ngành ở trong nước và trên thế giới; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật có liên quan; có kiến thức về kinh tế và hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý kỹ thuật; phương pháp tổ chức chỉ đạo triển khai công tác kỹ thuật, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cập nhật các thông tin về kinh tế, khoa học kỹ thuật chuyên ngành trong và ngoài nước có liên quan; soạn thảo các văn bản và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về kỹ thuật, công nghệ; chuyên ngành phù hợp phù hợp với chức danh đảm nhiệm;

b) Có thời gian giữ chức danh Kỹ sư tối thiểu 09 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục công tác trong ngành kỹ thuật và công nghệ. Trường hợp từ chức danh hạng III của ngành khác chuyển sang phải được công nhận chức danh Kỹ sư và có tổng thời gian giữ chức danh hạng III tối thiểu 09 năm; trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Kỹ sư thì phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN; hoặc có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm; hoặc đã qua chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Trong thời gian giữ chức danh Kỹ sư (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Kỹ sư chính (hạng II) phải chủ trì thực hiện tối thiểu 01 nhiệm vụ kỹ thuật, 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên đã được nghiệm thu; 01 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được công nhận và áp dụng trong thực tiễn. Ứng viên không đáp ứng được các quy định trên thì phải đạt ít nhất 3,0 điểm quy đổi từ thành tích hoạt động chuyên môn, trong đó: Có ít nhất 2,0 điểm từ chủ trì nhiệm vụ, gồm 1,0 điểm từ thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật và 1,0 điểm từ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Điều 15: Kỹ sư cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung, phương hướng nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của ngành nói riêng; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật của chuyên ngành ở trong nước và trên thế giới; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm và nắm chắc một số chuyên ngành kỹ thuật có liên quan; nắm vững kiến thức kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế của ngành; có hiểu biết sâu rộng, kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý khoa học kỹ thuật; có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tế.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ về kỹ thuật, công nghệ trở lên; chuyên ngành phù hợp với chức danh đảm nhiệm;

b) Có thời gian giữ chức danh Kỹ sư chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục công tác trong ngành kỹ thuật, công nghệ. Trường hợp từ chức danh hạng II của ngành khác chuyển sang phải được công nhận chức danh Kỹ sư chính (hạng II) và có tổng thời gian giữ chức danh hạng II tối thiểu 06 năm; trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Kỹ sư chính (hạng II) thì phải có thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 37/2025/TT- BKHCN của Bộ KH&CN; hoặc đã qua giữ chức chỉ huy cấp trung đoàn, lữ đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Trong thời gian giữ chức danh Kỹ sư chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Kỹ sư cao cấp (hạng I) phải chủ trì thực hiện tối thiểu 01 nhiệm vụ kỹ thuật, 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 1 trở lên đã được nghiệm thu; tham gia tối thiểu (thư ký hoặc thực hiện chính) 01 nhiệm vụ kỹ thuật hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp bộ hoặc tương đương trở lên đã được nghiệm thu. Ứng viên không đáp ứng được các quy định trên thì phải đạt ít nhất 5,0 điểm quy đổi từ thành tích hoạt động chuyên môn, trong đó: Có ít nhất 3,0 điểm từ chủ trì nhiệm vụ, gồm 1,5 điểm từ thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật và 1,5 điểm từ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;

d) Sĩ quan được xét bổ nhiệm vào chức danh Kỹ sư cao cấp (hạng I) mà không phụ thuộc vào hạng chức danh đang giữ và thời gian giữ chức nêu đang giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ, được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh Kỹ sư cao cấp (hạng I).

MỤC III. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH NHÀ GIÁO

Điều 16. Giảng viên (hạng III) Học viện Quốc phòng

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức cơ bản môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số học phần có liên quan trong đào tạo cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược; hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế vào giảng dạy, biên soạn giáo trình, tài liệu và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian làm công tác giảng dạy trực tiếp tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên (hạng III).

Điều 17. Giảng viên chính (hạng II) Học viện Quốc phòng (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản về một số học phần có liên quan trong đào tạo cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược; hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm bắt kịp thời xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế vào giảng dạy, biên soạn giáo trình, tài liệu và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên chính.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký xét duyệt. Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 06 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tại Học viện Quốc phòng tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt Giảng viên chính (hạng II);
- c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II) có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học hoặc tham gia 03 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 2 hoặc tham gia 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 1 trở lên đã được nghiệm thu, kết quả đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại Học viện Quốc phòng, hoặc ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 01 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 tài liệu, giáo trình, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại Học viện hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 02 bài báo khoa học hoặc 02 bài tham luận trong hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của Học viện Quốc phòng hoặc trên các tạp chí khác trong và ngoài Quân đội, hoặc có 02 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tin trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Giảng viên có trình độ tiến sĩ hướng dẫn hoặc tham gia hướng dẫn tối thiểu 01 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; giảng viên có trình độ thạc sĩ hướng dẫn tối thiểu 03 học viên bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp hoặc chuyên đề, tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến từ cấp khoa trở lên. Đối với các bộ môn không hướng dẫn học viên sau đại học thì được thay thế bằng 02 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp học viện trở lên.

Điều 18. Giảng viên cao cấp (hạng I) Học viện Quốc phòng

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức chuyên sâu về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức vững vàng của một số học phần có liên quan trong đào tạo cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược; thực hiện hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm vững xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy, biên soạn giáo trình, tài liệu và nghiên cứu khoa học; biết tổ chức cho tập thể giảng viên, học viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên cao cấp.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) thì phải có bằng tiến sĩ tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I).

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do cấp trường, cấp quản lý trường phê duyệt hoặc 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục phê duyệt trở lên đã được nghiệm thu, kết quả đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại Học viện Quốc phòng, hoặc ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 02 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 03 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại Học viện Quốc phòng hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 03 bài báo khoa học; hoặc 03 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của Học viện Quốc phòng hoặc trên các tạp chí khác của Quân đội và Nhà nước; hoặc 03 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Hướng dẫn tối thiểu 02 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 học viên đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại Điểm này; hoặc hướng dẫn học viên viết 06 chuyên đề, tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến từ cấp khoa trở lên. Đối với các bộ môn không hướng dẫn học viên sau đại học thì được thay thế bằng 03 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp học viện trở lên.

Điều 19. Giảng viên (hạng III) học viện chuyên ngành

(Gồm: Học viện Lục quân, Học viện Chính trị, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Quân y, Học viện Hải quân, Học viện Phòng không - Không quân, Học viện Biên phòng, Học viện Khoa học Quân sự).

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức cơ bản môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Tốt nghiệp đào tạo thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp I trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian trực tiếp giảng dạy tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên (hạng III).

Điều 20. Giảng viên chính (hạng II) học viện chuyên ngành

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm bắt kịp thời xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên chính.

2. Điều kiện cần có

a) Tốt nghiệp đào tạo thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp I trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên (hạng III) thì phải có bằng tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II);

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; hoặc tham gia 03 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 2; hoặc tham gia 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 1 trở lên được nghiệm thu kết quả đạt yêu cầu trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại Học viện, hoặc ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 01 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại Học viện hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 02 bài báo khoa học; hoặc 02 bài tham luận trong hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí khác của Quân đội và Nhà nước; hoặc 02 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên trang tin, kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Giảng viên có trình độ tiến sĩ hướng dẫn hoặc tham gia hướng dẫn tối thiểu 01 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; giảng viên có trình độ thạc sĩ hướng dẫn tối thiểu 03 học viên bảo vệ thành công khóa luận (đồ án) tốt nghiệp, hoặc 03 chuyên đề tiểu luận môn học, hoặc 03 đề tài (chuyên đề) nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến của học viên từ cấp khoa trở lên. Đối với các bộ môn không hướng dẫn học viên đại học, sau đại học được thay thế bằng 02 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp Học viện trở lên hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu 03 đề tài (chuyên đề) nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến từ cấp khoa trở lên, tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội tối thiểu từ 02 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 21. Giảng viên cao cấp (hạng I) học viện chuyên ngành

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức chuyên sâu về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức vững vàng của một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; thực hiện hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm vững xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài;

vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sự phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên cao cấp.

2. Điều kiện cần có

a) Tốt nghiệp đào tạo tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) thì phải có bằng tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II tối thiểu 06 năm và có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II).

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do cấp trường, cấp quản lý trường phê duyệt; hoặc 01 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục phê duyệt, được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại Học viện hoặc ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 02 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 03 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại Học viện hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 03 bài báo khoa học; hoặc 03 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí khác của Quân đội và Nhà nước; hoặc 03 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Hướng dẫn tối thiểu 02 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 học viên đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ;

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe phải hướng dẫn 01 học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa cấp II hoặc hướng dẫn 01 học viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đối với giảng viên thuộc bộ môn không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định được nêu tại Điểm này; hoặc được thay thế bằng 03 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp học viện trở lên; hoặc hướng dẫn 05 học viên viết chuyên đề, tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp khoa trở lên hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội tối thiểu từ 03 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 22. Giảng viên (hạng III) trường sĩ quan, trường đại học

(Gồm: Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, Trường Sĩ quan Đặc công, Trường Sĩ quan Công binh, Trường Sĩ quan Thông tin, Trường Sĩ quan Phòng hóa, Trường Sĩ quan Không quân, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội).

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức cơ bản môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội; có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian làm công tác giảng dạy trực tiếp tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên (hạng III) .

Điều 23. Giảng viên chính (hạng II) trường sĩ quan, trường đại học

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm bắt kịp thời xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên chính.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ hoặc tương đương trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy.
- b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ

xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 06 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II)

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 hoặc tham gia tối thiểu 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu, kết quả đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại trường, hoặc ngành trong và ngoài Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 01 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 02 bài báo khoa học; hoặc 02 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí khác của Quân đội và Nhà nước; hoặc 02 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Giảng viên có trình độ tiến sĩ hướng dẫn hoặc tham gia hướng dẫn tối thiểu 01 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; giảng viên có trình độ thạc sĩ hướng dẫn tối thiểu 03 học viên bảo vệ thành công khóa luận (đề án) tốt nghiệp hoặc 03 chuyên đề tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến của học viên từ cấp khoa trở lên. Đối với các bộ môn không hướng dẫn học viên sau đại học thì được thay thế bằng 02 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội, tối thiểu từ 02 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 24. Giảng viên cao cấp (hạng I) trường sĩ quan, trường đại học

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức chuyên sâu về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức vững vàng của một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; thực hiện hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm vững xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên cao cấp.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tiến sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký

hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) thì phải có bằng tiến sĩ tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I);

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 02 đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do cấp trường, cấp quản lý trường phê duyệt hoặc 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục phê duyệt được nghiệm thu đạt kết quả từ yêu cầu trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại trường hoặc các trường, ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 02 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 03 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 03 bài báo khoa học; hoặc 03 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí trong và ngoài quân đội; hoặc 03 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Hướng dẫn tối thiểu 02 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 học viên đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế bằng 01 công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong hoặc ngoài nước. Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại Điều này. Đối với các trường, các bộ môn không hướng dẫn học viên sau đại học thì hướng dẫn 05 học viên viết chuyên đề, tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến từ cấp khoa trở lên; hoặc được thay thế bằng 03 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội tối thiểu từ 03 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 25. Giảng viên (hạng III) trường cao đẳng

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức cơ bản môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội; có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực

tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian giảng dạy trực tiếp tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên (hạng III); đang làm công tác giảng dạy đào tạo ở bậc cao đẳng của trường ứng viên đang công tác hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 26. Giảng viên chính (hạng II) trường cao đẳng

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản về một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm bắt kịp thời xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung học phần. Thực hiện được các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng được công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên chính.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên (hạng III) thì phải có bằng tốt nghiệp đại học tối thiểu 06 năm; hoặc thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp I tối thiểu 04 năm; hoặc tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II).

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 hoặc tham gia tối thiểu 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu, kết quả đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại trường, hoặc ngành trong và ngoài Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 01 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 01 bài báo khoa học hoặc 01 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí trong và ngoài Quân đội;

Hướng dẫn 02 học viên viết chuyên đề tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến, đồ án tốt nghiệp tại trường hoặc các trường khác trong và ngoài Quân đội từ bậc cao đẳng trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc 02 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội tối thiểu 01 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 27. Giảng viên cao cấp (hạng I) trường cao đẳng

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức chuyên sâu về các học phần được phân công giảng dạy và kiến thức vững vàng của một số học phần có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; thực hiện hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo. Nắm vững xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành trong quân đội, ngoài quân đội và nước ngoài; vận dụng thành thạo lý luận dạy học, sư phạm quân sự, kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên cao cấp.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp I trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) thì phải có bằng tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I);

d) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do cấp trường, cấp quản lý trường phê duyệt; hoặc chủ trì tối thiểu 01 hoặc tham gia 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục phê duyệt được nghiệm thu, kết quả đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tiễn đào tạo tại trường hoặc các trường, ngành trong Quân đội;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 02 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 03 giáo trình, tài liệu, sách phục vụ đào tạo được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong Quân đội;

Tác giả tối thiểu 02 bài báo khoa học; hoặc 02 bài tham luận trong các hội thảo khoa học, kỷ yếu được công bố trên tạp chí của trường hoặc trên các tạp chí trong và ngoài Quân đội; hoặc 02 báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo;

Hướng dẫn 03 học viên viết chuyên đề tiểu luận môn học, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến, đề án tốt nghiệp tại trường hoặc các trường khác trong và ngoài Quân đội từ bậc cao đẳng trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc 03 lần đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường trở lên; hoặc hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học tham gia giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo, tham gia dự thi Olympic trong và ngoài Quân đội tối thiểu 02 lần đạt giải Ba trở lên.

Điều 28: Giảng viên (hạng III) trường quân sự quân khu, quân đoàn, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững và hiểu biết kiến thức cả lý thuyết và thực hành môn học đảm nhiệm; có hiểu biết cơ bản về thực tiễn sử dụng trang bị, vũ khí, khí tài chuyên ngành được phân công giảng dạy; có kiến thức về công tác quản lý giáo dục và đào tạo, biết cách tổ chức quản lý, rèn luyện học viên; hiểu và vận dụng các quy định, chế độ của nhà trường vào mục tiêu yêu cầu đào tạo và công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của trường.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với môn học được phân công giảng dạy;

b) Có thời gian làm công tác giảng dạy tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký xét chức danh Giáo viên (hạng III), đang làm công tác giảng dạy đào tạo ở trường của ứng viên đang công tác hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 29. Giảng viên chính (hạng II) trường quân sự quân khu, quân đoàn, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng và hiểu biết sâu đối với lý thuyết và thực hành môn học đảm nhiệm; nắm được thực tiễn sử dụng trang bị, vũ khí, khí tài chuyên ngành được phân công giảng dạy; có kinh nghiệm thực tiễn về công tác quản lý giáo dục, đào tạo và tổ chức quản lý, rèn luyện học viên; hiểu và vận dụng được các quy định, chế độ của nhà trường vào mục tiêu yêu cầu đào tạo và công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của trường.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên (hạng III) thì phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ tối thiểu 03 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 01 năm và có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II);

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên chính (hạng II), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 đề tài hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở trở lên được ứng dụng trong thực tiễn;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 01 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 giáo trình, tài liệu, sách được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường.

Điều 30. Giảng viên cao cấp (hạng I) trường quân sự quân khu, quân đoàn, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu đối với lý thuyết và thực hành môn học đảm nhiệm; nắm vững thực tiễn sử dụng trang bị, vũ khí, khí tài chuyên ngành được phân công giảng dạy; có kinh nghiệm thực tiễn về công tác quản lý giáo dục, đào tạo và tổ chức quản lý, rèn luyện học viên; hiểu và vận dụng thành thạo các quy định, chế độ của nhà trường vào mục tiêu yêu cầu đào tạo và công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của trường.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 06 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I);

c) Trong thời gian giữ chức danh Giảng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 02 đề tài khoa học hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở trở lên được ứng dụng trong thực tiễn;

Chủ trì biên soạn tối thiểu 02 hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 03 giáo trình, tài liệu, sách được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong Quân đội.

Điều 31. Giáo viên (hạng III) trường trung cấp chuyên nghiệp

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức đối với môn học được giao đảm nhiệm; có hiểu biết cơ bản về nội dung môn học hoặc các chuyên ngành khác có liên quan; có kiến thức về công tác quản lý giáo dục và đào tạo, biết cách tổ chức quản lý, rèn luyện học viên; hiểu và vận dụng các chế độ, quy định của Quân đội, ngành chuyên môn và ngành nhà trường đào tạo trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên, chuyên ngành phù hợp với học phần được phân công giảng dạy;

b) Có thời gian giảng dạy trực tiếp tối thiểu 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên (hạng III) ;

Điều 32. Giáo viên chính (hạng II) trường trung cấp chuyên nghiệp

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng và hiểu biết sâu đối với học phần được phân công đảm nhiệm; có khả năng giải quyết nhiệm vụ thực tiễn về lĩnh vực chuyên môn của mình, biết tổ chức tập thể giáo viên, học viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có kết quả thiết thực; nắm vững quy chế giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Bộ Quốc phòng và của nhà trường; hiểu biết sâu và có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận dạy học, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy

b) Có thời gian giữ chức danh Giáo viên (hạng III) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên chính (hạng II). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giáo viên (hạng III) thì phải có bằng tốt nghiệp đại học tối thiểu 06 năm hoặc thạc sĩ tối thiểu 03 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 01 năm và có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên chính (hạng II).

c) Trong thời gian giữ chức danh Giáo viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên chính (hạng II), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở trở lên được ứng dụng trong thực tiễn;

Chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 01 giáo trình, tài liệu, sách được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong và ngoài Quân đội.

Điều 33. Giáo viên cao cấp (hạng I) trường trung cấp chuyên nghiệp

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu đối với học phần được phân công giảng dạy và nắm vững kiến thức chuyên ngành khác có liên quan; biết tổ chức tập thể giáo viên, học viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có kết quả thiết thực; nắm chắc quy chế giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Bộ Quốc phòng và của nhà trường; hiểu biết sâu và có khả năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý luận dạy học, kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên thuộc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có thời gian giữ chức danh Giáo viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên cao cấp (hạng I). Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Giáo viên chính (hạng II) thì phải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ tối thiểu 06 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 02 năm; trong đó, có tối thiểu 01 năm cuối trực tiếp giảng dạy tính đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên cao cấp (hạng I).

c) Trong thời gian giữ chức danh Giáo viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Giáo viên cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ trì hoặc tham gia tối thiểu 02 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cấp cơ sở trở lên được ứng dụng trong thực tiễn;

Chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn tối thiểu 02 giáo trình, tài liệu, sách được in ấn, xuất bản và được đưa vào sử dụng tại trường hoặc các trường khác trong và ngoài Quân đội.

MỤC IV. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH KHOA HỌC, XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Điều 34. Nhạc trưởng (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành và có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật, những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành sáng tác âm nhạc hoặc chỉ huy dàn nhạc;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;

c) Trực tiếp dàn dựng và chỉ huy 03 tác phẩm âm nhạc thuộc thể loại giao hưởng, hợp xướng, sáng tác, phối khí; chỉ huy các tiết mục ca nhạc, nhạc múa, âm nhạc sân khấu trong các chương trình biểu diễn của đoàn nghệ thuật được hội đồng chuyên môn đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Nhạc sĩ; Nhạc sĩ, biên tập nhạc (hạng III).

Điều 35. Nhạc trưởng chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về chuyên ngành đảm nhiệm; có kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành sáng tác âm nhạc hoặc chỉ huy dàn nhạc;

b) Có thời gian giữ chức danh Nhạc trưởng (hạng III) tối thiểu 09 năm; trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Nhạc trưởng (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Nhạc trưởng (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Nhạc trưởng chính (hạng II): Trực tiếp dàn dựng và chỉ huy 05 tác phẩm âm nhạc giao hưởng hợp xướng có cấu trúc sonat hoặc phần âm nhạc cho nhạc kịch, kịch hát, kịch múa, âm nhạc sân khấu trở lên, đã đạt giải thưởng trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Nhạc sĩ; Nhạc sĩ, biên tập nhạc chính (hạng II).

Điều 36. Nhạc trưởng cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên ngành; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hóa, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành sáng tác âm nhạc hoặc chỉ huy dàn nhạc;

b) Có thời gian giữ chức danh Nhạc trưởng chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Nhạc trưởng chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Nhạc trưởng cao cấp (hạng I): Trực tiếp dàn dựng và chỉ huy 07 tác phẩm âm nhạc giao hưởng hợp xướng có cấu trúc sonate

hoặc phần âm nhạc cho nhạc kịch, kịch hát, kịch múa, âm nhạc sân khấu trở lên; đạt giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Nhạc sĩ; Nhạc sĩ, biên tập nhạc cao cấp (hạng I).

Điều 37. Biên đạo múa (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành và có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật, những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên đạo múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành biên đạo múa;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Trực tiếp biên đạo và dàn dựng ít nhất 03 tác phẩm múa trở lên, được công diễn trong chương trình biểu diễn của đơn vị và được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 38. Biên đạo múa chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về chuyên ngành múa và có kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật, những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên đạo múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành biên đạo múa;
- b) Có thời gian giữ chức danh Biên đạo múa (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Biên đạo múa (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Biên đạo múa (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên đạo múa chính (hạng II): Trực tiếp biên đạo và dàn dựng 05 tác phẩm múa có cấu trúc kịch múa hoặc thơ múa; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc, quốc tế hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

Điều 39. Biên đạo múa cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về chuyên ngành múa; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác biên đạo múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành biên đạo múa hoặc nghệ thuật sân khấu;
- b) Có thời gian giữ chức danh Biên đạo múa chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Biên đạo múa chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên đạo múa cao cấp (hạng I): Trực tiếp biên đạo và dàn dựng 07 tác phẩm múa có cấu trúc kịch múa hoặc thơ múa; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc, quốc tế hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

Điều 40. Huấn luyện múa (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành múa; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng có hiệu quả vào công tác huấn luyện múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành huấn luyện múa;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Trực tiếp hướng dẫn luyện tập thể hiện tác phẩm múa ở đơn vị, trong đó có ít nhất 03 tác phẩm tương đối phức tạp như solo, duo, trio; hoàn thành tốt công tác huấn luyện múa theo kế hoạch, được hội đồng chuyên môn đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 41. Huấn luyện múa chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành huấn luyện múa; có hiểu biết về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng có hiệu quả vào công tác huấn luyện múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành huấn luyện múa;
- b) Có thời gian giữ chức danh Huấn luyện múa (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Huấn luyện múa (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Huấn luyện viên múa (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Huấn luyện múa chính (hạng II): Trực tiếp hướng dẫn luyện tập thể hiện tác phẩm múa ở đơn vị, trong đó tham gia huấn luyện thể hiện 05 tác phẩm múa có cấu trúc thơ múa, kịch múa trở lên; hoàn thành tốt công tác huấn luyện múa theo kế hoạch, được hội đồng chuyên môn đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên.

Điều 42. Huấn luyện múa cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành huấn luyện múa; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác huấn luyện múa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành huấn luyện múa;
- b) Có thời gian giữ chức danh Huấn luyện múa chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Huấn luyện viên múa chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Huấn luyện múa cao cấp (hạng I): Trực tiếp hướng dẫn luyện tập thể hiện tác phẩm múa ở đơn vị, trong đó tham gia huấn luyện thể hiện 10 tác phẩm múa có cấu trúc thơ múa, kịch múa trở lên; hoàn thành tốt công tác huấn luyện múa theo kế hoạch, được hội đồng chuyên môn đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 43. Đạo diễn sân khấu (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn sân khấu; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác đạo diễn sân khấu.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành đạo diễn sân khấu;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Trực tiếp đạo diễn chính 01 tác phẩm sân khấu trở lên được tổ chức công diễn và được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 44. Đạo diễn sân khấu chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn sân khấu; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác đạo diễn sân khấu.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành đạo diễn sân khấu;
- b) Có thời gian giữ chức danh Đạo diễn sân khấu (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Đạo diễn sân khấu (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Đạo diễn sân khấu (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Đạo diễn sân khấu chính (hạng II): Trực tiếp đạo diễn chính 05 tác phẩm sân khấu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

Điều 45. Đạo diễn sân khấu cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn sân khấu; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng linh hoạt, có hiệu quả vào công tác đạo diễn sân khấu.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành đạo diễn sân khấu hoặc nghệ thuật sân khấu;

b) Có thời gian giữ chức danh Đạo diễn sân khấu chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Đạo diễn sân khấu chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Đạo diễn sân khấu cao cấp (hạng I): Trực tiếp đạo diễn chính 07 tác phẩm sân khấu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

Điều 46. Biên kịch sân khấu (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành biên kịch sân khấu; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên kịch.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành biên kịch;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;

c) Hoàn thành biên kịch ít nhất 03 kịch bản trở lên được đưa vào dàn dựng, biểu diễn được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Biên kịch điện ảnh, Trợ lý biên kịch (hạng III).

Điều 47. Biên kịch sân khấu chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành biên kịch sân khấu; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ được giao; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên kịch.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành biên kịch;
 - b) Có thời gian giữ chức danh Biên kịch viên sân khấu (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Biên kịch viên sân khấu (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
 - c) Trong thời gian giữ chức danh Biên kịch viên sân khấu (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên kịch viên sân khấu chính (hạng II): Hoàn thành sáng tác và biên tập 05 kịch bản văn học trở lên được đưa vào dàn dựng được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong liên hoan, hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc, toàn quân hoặc giải thưởng hàng năm của hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.
3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Biên kịch điện ảnh chính, Trợ lý biên kịch chính (hạng II).

Điều 48. Biên kịch sân khấu cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành biên kịch sân khấu; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên kịch;

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành sân khấu hoặc điện ảnh, truyền hình;
- b) Có thời gian giữ chức danh Biên kịch viên sân khấu chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên kịch viên sân khấu cao cấp (hạng I) : Hoàn thành biên kịch 10 kịch bản trở lên đưa vào dàn dựng vở diễn, được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của Bộ Quốc phòng, Hội Văn hóa, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Biên kịch điện ảnh cao cấp, Trợ lý biên kịch cao cấp (hạng I).

Điều 49. Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành trang trí thiết kế sân khấu; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành thiết kế sân khấu hoặc trường đại học mỹ thuật khác, chuyên ngành phù hợp;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Đã thiết kế mỹ thuật 03 vở diễn sân khấu trở lên được công diễn và hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý thiết kế sân khấu; Họa sĩ trưng bày (hạng III).

Điều 50. Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành trang trí thiết kế sân khấu; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành thiết kế sân khấu hoặc trường đại học mỹ thuật khác, chuyên ngành phù hợp;
- b) Có thời gian giữ chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu chính (hạng II): Thiết kế mỹ thuật 06 vở diễn sân khấu hoặc phim hoặc trình bày báo trở lên được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc và toàn quân với chức danh thiết kế mỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý thiết kế sân khấu chính; Họa sĩ trưng bày chính (hạng II).

Điều 51. Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành trang trí thiết kế sân khấu; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành thiết kế sân khấu;
- b) Có thời gian giữ chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Họa sĩ trang trí thiết kế sân khấu cao cấp (hạng I): Đã thiết kế mỹ thuật 09 vở diễn sân khấu hoặc phim hoặc trình bày báo trở lên được hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên trong Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quân, toàn quốc hoặc giải thưởng của hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương với chức danh thiết kế mỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý thiết kế sân khấu cao cấp; Họa sĩ trung bày cao cấp (hạng I).

Điều 52. Đạo diễn điện ảnh (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn điện ảnh; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác đạo diễn.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành đạo diễn điện ảnh;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Đã trực tiếp đạo diễn chính tác phẩm điện ảnh đạt yêu cầu về chất lượng nghệ thuật được chỉ huy đơn vị và hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý đạo diễn (hạng III).

Điều 53. Đạo diễn điện ảnh chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn điện ảnh; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác đạo diễn.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng đại học trở lên, chuyên ngành đạo diễn điện ảnh;
- b) Có thời gian giữ chức danh Đạo diễn điện ảnh (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Đạo diễn điện ảnh (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Đạo diễn điện ảnh (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Đạo diễn điện ảnh chính (hạng II): Trực tiếp đạo diễn chính 05 tác phẩm phim truyện hoặc 05 tác phẩm phim tài liệu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên Liên hoan phim quốc gia hoặc giải thưởng hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, giải thưởng của Bộ Quốc phòng.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý đạo diễn chính (hạng II).

Điều 54. Đạo diễn điện ảnh cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành đạo diễn điện ảnh; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác đạo diễn.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành đạo diễn điện ảnh;

b) Có thời gian giữ chức danh Đạo diễn điện ảnh chính tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Đạo diễn điện ảnh chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Đạo diễn điện ảnh cao cấp (hạng I): Trực tiếp đạo diễn chính 08 phim truyện hoặc 12 phim tài liệu; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên liên hoan phim quốc gia hoặc giải thưởng hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, giải thưởng của Bộ Quốc phòng.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý đạo diễn cao cấp (hạng I).

Điều 55. Quay phim (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành quay phim; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác quay phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành quay phim;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;

c) Đã đảm nhiệm quay phim được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành đánh giá đạt chất lượng nghệ thuật theo yêu cầu của đơn vị.

Điều 56. Quay phim chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác quay phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành quay phim;

b) Có thời gian giữ chức danh Quay phim (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Quay phim (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Quay phim (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Quay phim chính (hạng II): Đã thực hiện quay chính ít nhất 05 phim truyện hoặc 10 phim tài liệu; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên liên hoan phim quốc gia hoặc giải thưởng hội nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, giải thưởng của Bộ Quốc phòng về chức danh Quay phim.

Điều 57. Quay phim cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác quay phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành quay phim;

b) Có thời gian giữ chức danh Quay phim chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Quay phim chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Quay phim cao cấp (hạng I): Đã thực hiện quay chính ít nhất 08 phim truyện hoặc 16 phim tài liệu, được Hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên liên hoan phim quốc gia hoặc giải thưởng Bộ Quốc phòng về chức danh Quay phim.

Điều 58. Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành quay phim và chủ nhiệm phim; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; nắm được quy trình công nghệ sản xuất phim và vận dụng có hiệu quả vào công tác chủ nhiệm phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành quay phim và đại học về quản lý kinh tế, tài chính;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;

c) Đã làm chủ nhiệm 05 phim được đơn vị đánh giá đạt yêu cầu trở lên; trong đó có phim với quy mô hoành tráng, sử dụng bối cảnh phức tạp và số lượng nhân lực nhiều.

Điều 59. Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim và chủ nhiệm phim; có kiến thức tổng hợp về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; nắm vững quy trình công nghệ sản xuất phim và vận dụng có hiệu quả vào công tác chủ nhiệm phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành quay phim và đại học về quản lý kinh tế, tài chính;

b) Có thời gian giữ chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim chính (hạng II): Đã làm chủ nhiệm 10 phim được đơn vị đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 60. Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim và chủ nhiệm phim; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; nắm vững quy trình công nghệ sản xuất phim và vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác chủ nhiệm phim.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành quay phim và đại học về quản lý kinh tế, tài chính;

b) Có thời gian giữ chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Quay phim kiêm Chủ nhiệm phim cao cấp (hạng I): Đã làm chủ nhiệm 15 phim được đơn vị đánh giá đạt yêu cầu trở lên; trong đó có phim với quy mô hoành tráng, sử dụng bối cảnh phức tạp và số lượng nhân lực nhiều.

Điều 61. Họa sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành thiết kế mỹ thuật điện ảnh; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn thiết kế mỹ thuật điện ảnh.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành thiết kế mỹ thuật hoặc trường đại học mỹ thuật khác, chuyên ngành phù hợp;

b) Có thời gian tập sự từ 1 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;

c) Thiết kế mỹ thuật 03 phim trở lên, được Hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này áp dụng cho chức danh: Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật trưng bày, hoạ sĩ trình bày (hạng III).

Điều 62. Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh chính

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành thiết kế mỹ thuật điện ảnh; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ và am hiểu nghệ thuật điện ảnh; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn thiết kế mỹ thuật điện ảnh.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Sân khấu - Điện ảnh trở lên, chuyên ngành thiết kế mỹ thuật hoặc trường đại học mỹ thuật khác, chuyên ngành phù hợp;

b) Có thời gian giữ chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh chính (hạng II): Thiết kế mỹ thuật 07 phim trở lên được Hội đồng nghệ thuật đánh giá đạt yêu cầu trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên Liên hoan phim quốc gia với chức danh thiết kế mỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn này áp dụng cho chức danh: Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật trưng bày, Hoà sĩ trình bày chính (hạng II).

Điều 63. Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành thiết kế mỹ thuật điện ảnh; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ và am hiểu nghệ thuật điện ảnh; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn thiết kế mỹ thuật điện ảnh.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành thiết kế mỹ thuật;

b) Có thời gian giữ chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật điện ảnh cao cấp (hạng I): Thiết kế mỹ thuật 10 phim trở lên; đạt từ giải ba (hoặc tương đương) trở lên Liên hoan phim quốc gia với chức danh thiết kế mỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn này áp dụng cho chức danh: Hoà sĩ thiết kế mỹ thuật trưng bày, Hoà sĩ trình bày cao cấp (hạng I).

Điều 64. Biên tập viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ biên tập; có kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên tập.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý biên tập (hạng III).

Điều 65. Biên tập viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ biên tập viên; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác biên tập.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp;
- b) Có thời gian giữ chức danh Biên tập viên (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Biên tập viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Biên tập viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên tập viên chính (hạng II): Biên tập ít nhất 05 tác phẩm được hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý biên tập chính (hạng II).

Điều 66. Biên tập viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành biên tập viên; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác biên tập.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành phù hợp;
- b) Có thời gian giữ chức danh Biên tập viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Biên tập viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Biên tập viên cao cấp (hạng I): Biên tập được ít nhất 10 tác phẩm được hội đồng khoa học chuyên ngành nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên, đủ điều kiện xuất bản.

3. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho chức danh: Trợ lý biên tập cao cấp (hạng I).

Điều 67. Di sản viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành bảo tàng, văn hóa; có kiến thức cơ bản về nghệ thuật và những thành tựu mới về kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác bảo tàng, di sản văn hoá.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa; được bồi dưỡng chuyên môn của ngành khoa học tương ứng;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 68. Di sản viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành bảo tàng, di sản văn hóa; có kiến thức tổng hợp về nghệ thuật và những thành tựu mới về kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác bảo tàng, di sản văn hóa.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;
- b) Có thời gian giữ chức danh Di sản viên (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Bảo tàng viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Di sản viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Di sản viên chính (hạng II): Chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 1, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản nghiệp vụ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành, nghiệm thu hoặc phê duyệt.

Điều 69. Di sản viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành bảo tàng, di sản văn hóa; nắm vững kiến thức về nghệ thuật, bảo tồn, bảo tàng và những thành tựu mới về văn hoá, khoa học liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác bảo tàng, di sản văn hoá.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

b) Có thời gian giữ chức danh Di sản viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Di sản viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Di sản viên cao cấp (hạng I), đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành trở lên trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt hoặc đã chủ trì thực hiện ít nhất 02 cuộc sưu tầm, khai quật khảo cổ, trưng bày quy mô quốc gia và quốc tế.

Điều 70. Thư viện viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ liên quan đến ngành thư viện; có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội và những thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác thư viện.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp; qua lớp bồi dưỡng chuyên môn của ngành khoa học tương ứng;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 71. Thư viện viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ ngành thư viện; nắm vững kiến thức về văn hóa, xã hội và các thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác thư viện.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp;

b) Có thời gian giữ chức danh Thư viện viên (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Thư viện viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Thư viện viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư viện viên chính (hạng II): Chủ trì ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 1 được hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên.

Điều 72. Thư viện viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về nghiệp vụ ngành thư viện; nắm vững kiến thức tổng hợp về văn hóa, xã hội và những thành tựu mới về văn hoá, kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác thư viện.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành phù hợp;
- b) Có thời gian giữ chức danh Thư viện viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Thư viện viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư viện viên cao cấp (hạng I): Chủ trì ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở nhóm 1 trở lên được hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên.

Điều 73. Phóng viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, tuyên truyền; có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác phóng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành báo chí; trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải được bồi dưỡng nghiệp vụ về báo chí; đã qua chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quân sự, chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên;
- c) Hoàn thành được các nhiệm vụ viết bài, chụp ảnh, quay phim phóng sự có nội dung ở mức độ phức tạp trung bình.

Điều 74. Phóng viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, tuyên truyền; nắm kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác phóng viên.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành báo chí; trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải được bồi dưỡng nghiệp vụ về báo chí;
- b) Có thời gian giữ chức danh Phóng viên (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Phóng viên (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Phóng viên (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Phóng viên chính (hạng II): Đã chủ trì ít nhất 02 tác phẩm được hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành cấp Bộ.

Điều 75. Phóng viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, tuyên truyền; nắm vững kiến thức về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật báo chí và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác phóng viên.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành báo chí; trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải được bồi dưỡng nghiệp vụ về báo chí;

b) Có thời gian giữ chức danh Phóng viên chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Phóng viên chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Phóng viên cao cấp (hạng I): Đã chủ trì ít nhất 04 tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành đánh giá đạt yêu cầu trở lên; hoặc chủ trì ít nhất 02 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương trở lên.

Điều 76. Thư ký biên tập (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành; có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 77. Thư ký biên tập chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành; có kiến thức tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp;

b) Có thời gian giữ chức danh Thư ký biên tập (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Thư ký biên tập (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Thư ký biên tập (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư ký biên tập chính (hạng II): Biên tập ít nhất 05 tác phẩm được hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên.

Điều 78. Thư ký biên tập cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành; nắm vững kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên, chuyên ngành phù hợp;
- b) Có thời gian giữ chức danh Thư ký biên tập chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;
- c) Trong thời gian giữ chức danh Thư ký biên tập chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư ký biên tập cao cấp (hạng I): Biên tập ít nhất 10 tác phẩm được hội đồng khoa học chuyên ngành nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

Điều 79. Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, truyền hình; có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác phát thanh viên, dẫn chương trình.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Báo chí, đạo diễn, điện ảnh;
- b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 80. Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, truyền hình; nắm vững kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác phát thanh viên, dẫn chương trình.

2. Điều kiện cần có

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Báo chí, đạo diễn, điện ảnh;
- b) Có thời gian giữ chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Phát thanh viên (hạng III) kiêm dẫn chương trình đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình chính (hạng II): **Chủ trì hoặc tham gia** đọc ít nhất 02 tác phẩm được được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong đó tối thiểu có 01 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học cấp cơ sở nhóm 2 trở lên.

Điều 81. Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành báo chí, truyền hình; nắm vững kiến thức về văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng linh hoạt, có hiệu quả vào công tác phát thanh viên, dẫn chương trình.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng thạc sĩ trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Báo chí; đạo diễn; điện ảnh;

b) Có thời gian giữ chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Phát thanh viên kiêm dẫn chương trình cao cấp (hạng I): Chủ trì hoặc tham gia đọc ít nhất 03 tác phẩm được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong đó tối thiểu có 02 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận nghiệp vụ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên.

Điều 82. Thư ký trường quay (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành quay phim, truyền hình; có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác tổng hợp quay phim, truyền hình.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, một trong các chuyên ngành: Điện ảnh, báo chí, đạo diễn;

b) Đã qua thời gian tập sự từ 01 năm trở lên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 83. Thư ký trường quay chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim, truyền hình; nắm vững kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác tổng hợp quay phim, truyền hình.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Điện ảnh, báo chí, đạo diễn;

b) Có thời gian giữ chức danh Thư ký trường quay (hạng III) tối thiểu 09 năm. Trường hợp chưa đủ thời gian 09 năm giữ chức danh Thư ký trường quay (hạng III) thì phải có bằng thạc sĩ tối thiểu 09 năm hoặc tiến sĩ tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Thư ký trường quay (hạng III) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư ký trường quay chính: Đã **chủ trì hoặc tham gia** ít nhất 02 tác phẩm được Hội đồng khoa học cấp chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong đó có ít nhất 01 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên.

Điều 84. Thư ký trường quay cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về nghiệp vụ chuyên ngành quay phim, truyền hình; nắm vững kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật có liên quan đến nhiệm vụ; vận dụng có hiệu quả vào công tác tổng hợp quay phim, truyền hình.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, một trong các chuyên ngành: Điện ảnh, báo chí, đạo diễn trở lên;

b) Có thời gian giữ chức danh Thư ký trường quay chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

c) Trong thời gian giữ chức danh Thư ký trường quay chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Thư ký trường quay cao cấp (hạng I): Đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 04 tác phẩm được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong đó tối thiểu có 02 công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ cấp cơ sở nhóm 2 trở lên.

MỤC V. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH Y - DƯỢC

Điều 85. Bác sĩ (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững nhiệm vụ ngành Quân y, Y tế và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm hậu cần, quân y; am hiểu đời sống bộ đội, có phương pháp nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm và đề xuất sáng kiến, cải tiến để nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bộ đội; đảm nhiệm được các kỹ thuật theo phân cấp của ngành Quân y và hoàn thành các nhiệm vụ được giao; có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường; áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh; có năng lực đề xuất biện pháp xử

lý thích hợp; lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục đối với bộ đội, nhân dân, cộng đồng và bảo vệ môi trường; có năng lực phát hiện sớm ổ dịch bệnh, vấn đề về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm trong đơn vị và tham gia phòng chống dịch; có năng lực tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên dưới quyền và học viên thực tập; quản lý tốt dụng cụ, trang thiết bị và thuốc men thuộc phạm vi phụ trách.

2. Điều kiện cần có: Có bằng tốt nghiệp bác sĩ và thời gian công tác thực tiễn từ 01 năm trở lên.

Điều 86. Bác sĩ chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về ngành Quân y, Y tế và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm quân y, bảo đảm hậu cần; nắm được định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành; am hiểu đời sống thực tiễn bộ đội và đối tượng có liên quan; nắm chắc phương pháp nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất cải tiến các biện pháp thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và cấp cứu chuyên khoa; áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; có năng lực tập hợp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học trở lên;

b) Có thời gian giữ chức danh Bác sĩ (hạng III) tối thiểu 09 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục làm công tác chuyên môn y - dược. Trường hợp chưa đủ 09 năm giữ chức danh Bác sĩ (hạng III) thì phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học tối thiểu 09 năm; tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học hoặc bác sĩ nội trú tối thiểu 06 năm; đã qua chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau: Chủ nhiệm (chủ trì) ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoặc sáng chế, hoặc phát minh khoa học, hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành, đã được nghiệm thu đạt trở lên ở hội đồng khoa học cấp cơ sở trở lên; **hoặc** thư ký tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 1 trở lên; **hoặc** là thành viên trong nhóm nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên đã được nghiệm thu đạt trở lên.

Điều 87. Bác sĩ cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về ngành Quân y, Y tế và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm hậu cần, bảo đảm quân y; nắm chắc định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành trong nước và quốc tế; am hiểu đời sống thực

tiền của bộ đội và đối tượng có liên quan đến nhiệm vụ; có kiến thức sâu về phương pháp nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm và cải tiến các biện pháp thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; có kiến thức và năng lực áp dụng phương pháp tiên tiến, kỹ thuật cao trong chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa; có năng lực đánh giá các quy trình, kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn và đề xuất giải pháp; đánh giá kết quả biện pháp can thiệp dựa vào bằng chứng; có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học;

b) Có thời gian giữ chức danh Bác sĩ chính (hạng II) tối thiểu 06 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục làm công tác chuyên môn y - dược. Trường hợp chưa đủ 06 năm giữ chức danh Bác sĩ chính (hạng II) thì phải đã được công nhận chức danh Bác sĩ chính (hạng II) và đã qua chức vụ chỉ huy đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Trong thời gian giữ chức danh Bác sĩ chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Bác sĩ cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên; hoặc là thành viên chính trong nhóm nghiên cứu đề tài cấp Quốc gia; hoặc chủ nhiệm tối thiểu 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 1; hoặc tác giả (đồng tác giả) tối thiểu 01 sáng chế, hoặc phát minh khoa học chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt trở lên;

Có ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín hoặc 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín.

Điều 88. Dược sĩ (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững nhiệm vụ ngành Quân y, Dược học và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm hậu cần, bảo đảm quân y; các chế độ công tác dược, quản lý trang thiết bị; am hiểu đời sống thực tiễn bộ đội, hiểu biết xu hướng phát triển của y học hiện đại và y học cổ truyền dân tộc; có phương pháp nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; có kỹ năng tổ chức và thực hành tốt trong các lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm; có kỹ năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược; xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược; thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

2. Điều kiện cần có: Có bằng tốt nghiệp đại học dược và thời gian công tác thực tiễn từ 01 năm trở lên.

Điều 89. Dược sĩ chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức vững vàng về ngành Quân y, ngành Dược và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm hậu cần, bảo đảm quân y; nắm được định hướng phát triển chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành trong nước và trên thế giới; am hiểu đời sống thực tiễn bộ đội và các đối tượng có liên quan đến ngành Dược; nắm chắc phương pháp nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; có kỹ năng tổ chức và thực hành tốt trong các lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm; có kỹ năng đánh giá, kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ dược học trở lên;

b) Có thời gian giữ chức danh Dược sĩ (hạng III) tối thiểu 09 năm; trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục làm công tác chuyên môn y - dược. Trường hợp chưa đủ 09 năm giữ chức danh Dược sĩ (hạng III) thì phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: Có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ dược học tối thiểu là 09 năm; có bằng dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ dược học tối thiểu là 06 năm; đã qua chức vụ chỉ huy cấp tiểu đoàn hoặc tương đương trở lên;

c) Có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau: Chủ nhiệm (chủ trì) tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoặc sáng chế, hoặc phát minh khoa học, hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành, đã được nghiệm thu đạt trở lên ở hội đồng khoa học cấp cơ sở trở lên; hoặc thư ký tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 1 trở lên; hoặc là thành viên trong nhóm nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên đã được nghiệm thu đạt trở lên.

Điều 90. Dược sĩ cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về ngành Quân y, ngành Y tế và cơ chế tổ chức, phương thức bảo đảm hậu cần, bảo đảm quân y; nắm chắc định hướng phát triển chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành trong và ngoài Quân đội; am hiểu đời sống thực tiễn của bộ đội và các đối tượng có liên quan đến ngành Dược; có kiến thức sâu về phương pháp nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm và cải tiến các biện pháp thực hiện nâng cao chất lượng công tác dược; có khả năng tổ chức và thực hành tốt trong lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm; có khả năng xây dựng, triển khai kế hoạch và giám sát, đánh giá về công tác dược; có khả năng tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.

2. Điều kiện cần có

a) Có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ dược học;

b) Có thời gian giữ chức danh Dược sĩ chính (hạng II) tối thiểu 06 năm;

trong đó, có tối thiểu 02 năm cuối liên tục làm công tác chuyên môn y - dược. Trường hợp chưa đủ thời gian 06 năm giữ chức danh Dược sĩ chính (hạng II) thì phải đã được công nhận chức danh Dược sĩ chính (hạng II) và đã qua chức vụ chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

c) Trong thời gian giữ chức danh Dược sĩ chính (hạng II) đến thời điểm đăng ký hồ sơ xét duyệt chức danh Dược sĩ cao cấp (hạng I), có thành tích hoạt động chuyên môn đáp ứng các điều kiện sau:

Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) tối thiểu 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên; hoặc là thành viên chính trong nhóm nghiên cứu đề tài cấp Quốc gia; hoặc chủ nhiệm (chủ trì) tối thiểu 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhóm 1; hoặc tác giả (đồng tác giả) tối thiểu 01 sáng chế, hoặc phát minh khoa học chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên;

Có tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín hoặc 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín.

MỤC VI. TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGÀNH PHÁP CHẾ

Điều 91. Pháp chế viên (hạng III)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế; có kiến thức, hiểu biết về lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về ngành, lĩnh vực đang công tác; có khả năng áp dụng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; có khả năng hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế theo ngành, lĩnh vực đang công tác; nắm được công tác chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch và các mặt công tác khác có liên quan. Có khả năng làm việc độc lập, tham gia làm việc nhóm và phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực soạn thảo, góp ý, thẩm định tính pháp lý các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Điều kiện cần có:

- a) Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật; đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế;
- b) Có thời gian công tác đúng chuyên môn được đào tạo tối thiểu 02 năm (đủ 24 tháng) hoặc có bằng thạc sĩ trở lên.

Điều 92. Pháp chế viên chính (hạng II)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Nắm vững chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế; có kiến thức, hiểu biết sâu sâu lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về ngành, lĩnh vực đang công tác; có khả năng áp dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; có khả năng và kinh nghiệm hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế theo

ngành, lĩnh vực đang công tác; nắm được công tác chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch và các mặt công tác khác có liên quan. Có khả năng và kinh nghiệm làm việc độc lập, dẫn dắt làm việc nhóm và phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao; thành thạo trong soạn thảo văn bản góp ý, thẩm định tính pháp lý các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Điều kiện cần có:

- a) Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật trở lên;
- b) Có thời gian là pháp chế viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu 09 năm (đủ 108 tháng), được tính cộng dồn và tính đến ngày tổ chức xét công nhận;
- c) Trong thời gian là pháp chế viên (hạng III) đã chủ trì thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc tham gia xây dựng hoặc thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan đang công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, thẩm tra; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu.

Điều 93. Pháp chế viên cao cấp (hạng I)

1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

Am hiểu sâu sắc và vận dụng thành thạo các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng về quân sự, quốc phòng, chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế; có kiến thức bao quát, hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về ngành, lĩnh vực đang công tác; có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách pháp luật; có khả năng áp dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; có khả năng và kinh nghiệm hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế theo ngành, lĩnh vực đang công tác; nắm được công tác chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch và các mặt công tác khác có liên quan. Có khả năng và kinh nghiệm làm việc độc lập, chỉ đạo làm việc nhóm và phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có kỹ năng chuyên sâu trong soạn thảo, góp ý, thẩm định tính pháp lý các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Có năng lực ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, tư duy chuyển đổi số trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; trình độ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu lĩnh vực của cơ quan, đơn vị đang công tác.

2. Điều kiện cần có:

- a) Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật; đã qua chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quân sự, chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng;
- b) Có thời gian giữ chức danh Pháp chế viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu 06 năm (đủ 72 tháng), được tính cộng dồn và tính đến ngày tổ chức xét công nhận;

c) Trong thời gian là pháp chế viên chính đã chủ trì thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc tham gia xây dựng hoặc thẩm định ít nhất 05 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan đang công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, thẩm tra đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 94. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026 và thay thế Thông tư số 07/2021/TT-BQP ngày 14 tháng 01 năm 2021 quy định tiêu chuẩn chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 95. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ tịch Hội đồng xét duyệt chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng BQP;
- BTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C41, C56, C12, C13, C85;
- Vụ Pháp chế, BHXH/BQP;
- Lưu: VT, C85. Th81.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang

Phụ lục I
NHÓM NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ,
NHIỆM VỤ KỸ THUẬT CẤP CƠ SỞ

A. NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Nhóm 1

Là các nhiệm vụ do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dưới đây phê duyệt danh mục và kết quả đánh giá nghiệm thu hoặc ủy quyền nghiệm thu.

1. Lĩnh vực khoa học nghệ thuật quân sự

- Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, các Quân khu, các Quân chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;

- Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, ***Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam.***

2. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn quân sự

Tổng cục Chính trị, Học viện Chính trị, Viện Khoa học và xã hội nhân văn quân sự.

3. Lĩnh vực khoa học lịch sử quân sự và tổng kết chiến tranh

- Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục, các Quân khu, các Quân chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;

- ***Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam.***

4. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự

- Bộ Tổng Tham mưu, ***Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật***, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục II, Viện Khoa học và công nghệ quân sự, Học viện Kỹ thuật quân sự, Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga;

- Các Quân chủng, Binh chủng, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Lĩnh vực khoa học hậu cần quân sự

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần.

6. Lĩnh vực khoa học y dược quân sự

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Quân y, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện quân y 175, Viện Y học cổ truyền Quân đội, Bệnh viện Bông Quốc gia Lê Hữu Trác, Bệnh viện Quân y 103.

II. Nhóm 2

Là các nhiệm vụ do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ (trừ các cơ quan, đơn vị đã quy định theo lĩnh vực tại nhóm 1) hoặc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dưới đây phê duyệt danh mục và kết quả đánh giá nghiệm thu hoặc ủy

quyền nghiệm thu.

1. Lĩnh vực khoa học nghệ thuật quân sự
 - Viện Khoa học nghệ thuật quân sự thuộc Học viện Quốc phòng;
 - Các cục chuyên ngành thuộc Bộ Tổng tham mưu, **Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Tổng cục II;
 - Các học viện thuộc Quân chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Tổng cục II.
 - **Bộ Tham mưu các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP.**
2. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn quân sự
 - Các cục chuyên ngành, Trung tâm phát thanh và truyền hình Quân đội, Trường Đại học văn hóa nghệ thuật Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị;
 - Viện Quan hệ quốc tế, Cục 70, Học viện Khoa học quân sự thuộc Tổng cục II;
 - Học viện Hải quân thuộc Quân chủng Hải quân;
 - Học viện Phòng không - Không quân, Trường Sĩ quan Không quân thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân;
 - **Cục Quân huấn - Nhà trường thuộc Bộ Tổng Tham mưu.**
3. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự
 - Các viện, **trung tâm** thuộc Viện Khoa học và công nghệ quân sự;
 - **Các viện, phân viện, trung tâm và chi nhánh** thuộc Trung tâm nhiệt đới Việt Nga;
 - Các viện, **trung tâm, chi nhánh** thuộc Học viện Kỹ thuật quân sự;
 - Cục Tác chiến điện tử, Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, **Cục Tác chiến, Cục Quân huấn - Nhà trường**, Cục Cơ yếu thuộc Bộ Tổng Tham mưu;
 - **Cục Kỹ thuật quân, binh chủng; Cục Xe máy - Vận tải**, Cục Quân khí, Bộ Tham mưu, Viện Kỹ thuật cơ giới quân sự, **Cục Xăng dầu, Cục Doanh trại, Cục Quân nhu, Viện Thiết kế, Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**;
 - Cục Quản lý công nghệ, Viện Vũ khí, Viện Công nghệ, Viện Thuốc phóng - Thuốc nổ, Viện Thiết kế tàu quân sự thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;
 - **Cục Hậu cần - Kỹ thuật** các Quân khu, Quân đoàn;
 - Viện Kỹ thuật hải quân, Học viện Hải quân, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Bộ Tham mưu thuộc Quân chủng Hải quân;
 - Viện Kỹ thuật Phòng không - Không quân, Học viện Phòng không - Không quân, Trường Sĩ quan Không quân, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Bộ Tham mưu thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân;
 - Trung tâm Kỹ thuật thông tin công nghệ cao, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**,

Trường Sĩ quan Thông tin thuộc Binh chủng Thông tin liên lạc;

- Viện Kỹ thuật công binh, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục Công trình quốc phòng**, Trường Sĩ quan Công binh thuộc Binh chủng Công binh;

- Viện Hóa học môi trường quân sự, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Trường Sĩ quan Phòng hóa thuộc Binh chủng Hóa học;

- **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Trường Sĩ quan Đặc công thuộc Binh chủng Đặc công;

- **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp thuộc Binh chủng Tăng - Thiết giáp;

- **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Trường Sĩ quan Pháo binh thuộc Bộ Tư lệnh Pháo binh-Tên lửa;

- **Cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Học viện Biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng;

- **Cục Hậu cần - Kỹ thuật** Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, **Cục Hậu cần - Kỹ thuật và các Cục chuyên ngành thuộc Tổng cục II**; Viện 69 thuộc Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;

- **Viện nghiên cứu 486**, các trung tâm thuộc Bộ Tư lệnh 86.

B. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT

I. Nhóm 1

Là các nhiệm vụ do Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, **Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng giao nhiệm vụ và phê duyệt kết quả nghiệm thu hoặc ủy quyền nghiệm thu.

II. Nhóm 2

Là các nhiệm vụ do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dưới đây giao nhiệm vụ và phê duyệt kết quả nghiệm thu hoặc ủy quyền nghiệm thu:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, trừ những cơ quan thuộc nhóm 1;

- Thủ trưởng các Cục: Tác chiến điện tử, Cơ yếu, **Tác chiến**, Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Bộ Tổng Tham mưu; Quân khí, **Xe máy - Vận tải, Kỹ thuật quân, binh chủng, Doanh trại, Xăng dầu, Quân nhu, Bộ Tham mưu, Viện Thiết kế, Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**; Quản lý công nghệ thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

- Thủ trưởng **Cục Hậu cần - Kỹ thuật** các Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh **Pháo binh - Tên lửa**, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Bộ Tư lệnh 86; **Cục Hậu cần - Kỹ thuật và các Cục chuyên ngành của Tổng cục II**;

- **Phòng Hậu cần - Kỹ thuật** thuộc Bộ Tư lệnh **Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh**;

- Thủ trưởng các Tổng công ty, Công ty, Xí nghiệp liên hợp, Nhà máy, Viện nghiên cứu trực thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng./.

Phụ lục II
TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

STT	Kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi	Điểm quy đổi	Ghi chú
I	Thực hiện nhiệm vụ (kỹ thuật, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo) các cấp đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên <i>Chủ nhiệm nhiệm vụ đặc biệt</i> <i>Thư ký nhiệm vụ đặc biệt</i> <i>Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ đặc biệt</i>	<i>5,0 điểm</i> <i>3,0 điểm</i> <i>2,5 điểm</i>	Đề nghị Cục KHQS làm rõ căn cứ bổ sung 03 nhiệm vụ này
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ cấp quốc gia	3,0 điểm	
2	Thư ký nhiệm vụ cấp quốc gia	2,0 điểm	
3	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ cấp quốc gia	1,5 điểm	
4	Chủ nhiệm nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương	2,0 điểm	
5	Thư ký nhiệm vụ cấp bộ, tỉnh	1,5 điểm	
6	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương	1,0 điểm	
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở (nhóm 1)	1,5 điểm	Không áp dụng đối với ngành nghiên cứu khoa học
8	Thư ký nhiệm vụ cấp cơ sở (nhóm 1)	1,0 điểm	
9	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ cấp cơ sở (nhóm 1)	0,75 điểm	
10	Chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở (nhóm 2)	1,0 điểm	
11	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ cấp cơ sở (nhóm 2)	0,5 điểm	
12	Sáng kiến được giải thưởng cấp bộ trở lên	0,75 điểm	
13	Sáng kiến được giải thưởng cấp cơ sở (nhóm 1) trở lên	0,5 điểm	
14	Sáng kiến được giải thưởng cấp cơ sở (nhóm 2) trở lên	0,25 điểm	
II	Kết quả sở hữu trí tuệ		
1	Tác giả của sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyển giao, thương mại hóa	3,0 điểm	
2	Tác giả của giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn	2,0 điểm	
3	Tác giả của giống cây trồng được cấp Bằng	2,0 điểm	

STT	Kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi	Điểm quy đổi	Ghi chú
	bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh		
4	Tác giả của sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế	1,0 điểm	
5	Tác giả của giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ	1,0 điểm	
III	Bài báo khoa học		
1		<i>Thực hiện tính điểm theo Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước</i>	
2	<i>Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín</i>		
3	<i>Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín</i>		
	<i>Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế</i>		
	<i>Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh</i>		
	<i>Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc gia</i>		
	<i>Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus</i>		
IV	Sách được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín ở trong nước và nước ngoài		
1	Sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực	3,0 điểm	
2	Sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực	1,0 điểm	
3	Sách giáo trình được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt hoặc được sử dụng để giảng dạy trong các chương trình đã được tổ chức quốc tế uy tín kiểm định	2,0 điểm	
4	Sách giáo trình được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt hoặc được sử dụng để giảng dạy trong các chương trình đã được cơ quan chức năng kiểm định	1,5 điểm	
5	Sách giáo trình được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt./.	1,0 điểm	

Phụ lục III
CHỨC DANH GIẢNG VIÊN THUỘC HỌC VIỆN,
TRƯỜNG SĨ QUAN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẢI QUẢ THỰC TẾ

I. HỌC VIỆN QUỐC PHÒNG
1. Giảng viên qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên chính, giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp sư, tỉnh và tương đương trở lên; gồm: 1.1. Khoa Chiến lược: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến lược quân sự; Bộ môn Lý luận chung; Bộ môn Chiến lược quốc phòng; Bộ môn Lịch sử quân sự. 1.2. Khoa Chiến dịch: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến dịch Tiến công - Phản công; Bộ môn Chiến dịch Phòng ngự - Phòng thủ. 1.3. Khoa Chỉ huy - Tham mưu: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chỉ huy - Tham mưu; Bộ môn Phương pháp. 1.4. Khoa Quân sự địa phương (QSĐP): 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung; Bộ môn Tham mưu; Bộ môn Biên phòng. 1.5. Khoa Quân chủng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Hải quân; Bộ môn Phòng không; Bộ môn Không quân. 1.6. Khoa Công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT): 04 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung CTĐ, CTCT; Bộ môn CTĐ, CTCT trong chiến dịch – Chiến lược; Bộ môn CTĐ, CTCT trong quốc phòng và QSĐP; Bộ môn Tâm lý học quân sự và giáo dục học quân sự. 1.7. Khoa Lý luận Mác - Lênin: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học Mác- Lênin; Bộ môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin; Bộ môn Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Giảng viên qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn, cụm điệp báo và tương đương trở lên; giảng viên chính qua cấp lữ đoàn, sư đoàn hoặc chức vụ tương đương trở lên, giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan chuyên ngành cấp quân đoàn, quân khu và tương đương trở lên; gồm: 2.1 Khoa Binh chủng: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Tăng -Thiết giáp; Bộ môn Pháo binh; Bộ môn Công binh; Bộ môn Hóa học; Bộ môn Thông tin. 2.2 Khoa trinh sát: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Quân báo; Bộ môn Quân sự nước ngoài. 2.3. Khoa Chỉ huy - Tham mưu: 01 Bộ môn Tác chiến điện tử.
3. Giảng viên qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên chính, giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp sư đoàn, tỉnh và tương đương trở lên; gồm: Khoa Hậu cần - Kỹ thuật: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Hậu cần; Bộ môn Kỹ thuật.
4. Giảng viên, giảng viên chính qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp quân đoàn, binh chủng và tương đương trở lên; gồm:

Khoa Chỉ huy - Tham mưu: Bộ môn Công nghệ thông tin - Sở chỉ huy

II. HỌC VIỆN LỤC QUÂN

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1.1. Khoa Chiến dịch: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Đường lối quân sự; Bộ môn Lịch sử nghệ thuật quân sự.

1.2. Khoa Chiến thuật: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Vận động tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Huấn luyện sư đoàn; Bộ môn Huấn luyện quốc tế.

1.3. Khoa QSĐP: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Phòng thủ; Bộ môn Xây dựng lực lượng; Bộ môn Động viên quân đội; Bộ môn Lý luận chung.

1.4. Khoa Chỉ huy - Tham mưu: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Công tác tham mưu QSĐP; Bộ môn Tham mưu tác chiến.

1.5. Khoa Trinh sát: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Trinh sát chiến thuật; Bộ môn Nghiên cứu quân đội nước ngoài; Bộ môn Trinh sát chiến dịch.

1.6. Khoa Pháo binh: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Chỉ huy bắn.

1.7. Khoa Quân chủng: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Không quân; Bộ môn Hải quân.

1.8. Khoa TT-TCĐT: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự; Bộ môn Tác chiến điện tử; Bộ môn Tổng trạm.

1.9. Khoa Hóa học: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự.

1.10. Khoa Tăng - Thiết giáp: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự.

1.11. Khoa Công binh: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Tiến công; Bộ môn Phòng ngự.

1.12. Khoa Quân sự chung: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Quản lý bộ đội; Bộ môn Huấn luyện thể chất; Bộ môn sẵn sàng chiến đấu, cơ yếu quân sự.

1.13. Khoa Sư phạm quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận sư phạm; Bộ môn Nghiệp vụ sư phạm; Bộ môn Phương pháp huấn luyện.

1.14. Khoa Mác Lê nin - Tư tưởng Hồ Chí Minh: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.15. Khoa CTĐ, CTCT: 04 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý, giáo dục học; Bộ môn Lịch sử Đảng; Bộ môn Nhà nước & Pháp luật (trừ các trường hợp tuyển dụng ngoài Quân đội chuyên ngành Luật) .

1.16. Khoa Đặc công: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Đặc công bộ; Bộ môn Đặc công biệt động; Bộ môn Đặc công nước.

2. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế trợ lý hậu cần - kỹ thuật cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; Giảng viên chính qua thực tế chỉ huy cơ quan

cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; Giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp sư đoàn và tương đương trở lên; gồm:

Khoa Hậu cần - Kỹ thuật: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Hậu cần, Bộ môn Kỹ thuật

3. Chức danh giảng viên qua thực tế trợ lý tài chính cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; chức danh Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan tài chính cấp sư đoàn và tương đương trở lên; gồm:

Khoa Hậu cần - Kỹ thuật: 01 Bộ môn gồm Bộ môn Tài chính.

III. HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng Bộ môn Hậu cần, kỹ thuật: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cơ quan cấp lữ đoàn, sư đoàn và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Triết học Mác - Lênin: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử triết học; Bộ môn Duy vật biện chứng - Logic học; Bộ môn Chủ nghĩa Duy vật lịch sử; Bộ môn Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội; Bộ môn Văn hóa, Mỹ học, Đạo đức học; Bộ môn Tôn giáo học.

2. Khoa Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN): 03 Bộ môn gồm Bộ môn Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Bộ môn Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN); Bộ môn Phương pháp luận sử học.

3. Khoa CTĐ, CTCT: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử CTĐ, CTCT; Bộ môn Lý luận nguyên tắc chung; Bộ môn Công tác tư tưởng; Bộ môn Công tác tổ chức; Bộ môn CTĐ, CTCT trong các nhiệm vụ; Bộ môn CTĐ, CTCT trong công tác quân sự quốc phòng địa phương.

4. Khoa Chiến thuật, chiến dịch (CT, CD): 05 Bộ môn gồm Bộ môn CT, CD Tiến công; Bộ môn CT, CD Phòng ngự; Bộ môn Chỉ huy tham mưu; Bộ môn QSĐP; Bộ môn Hậu cần, kỹ thuật.

5. Khoa Kinh tế chính trị học Mác-Lênin: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử các học thuyết kinh tế; Bộ môn Kinh tế tư bản chủ nghĩa (TBCN); Bộ môn Kinh tế XHCN; Bộ môn Quản lý kinh tế; Bộ môn Kinh tế quân sự.

6. Khoa Lịch sử Nghệ thuật quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử Nghệ thuật quân sự; Bộ môn Đường lối quân sự; Bộ môn Giáo dục quốc phòng, an ninh.

7. Khoa CNXH khoa học: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử tư tưởng XHCN; Bộ môn Lịch sử Phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế; Bộ môn Nguyên lý CNXH khoa học; Bộ môn Quan hệ quốc tế; Bộ môn Dân tộc học, xã hội học.

8. Khoa Binh chủng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Binh chủng chiến đấu; Bộ môn Binh chủng bảo đảm; Bộ môn Quân sự chung (trừ giảng viên giáo dục thể chất).

9. Khoa Quân chủng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Phòng không; Bộ môn Không quân; Bộ môn Hải quân.

10. Khoa Tâm lý học quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Tâm lý học lãnh đạo, quản lý bộ đội; Bộ môn Tâm lý học Sư phạm quân sự; Bộ môn Tâm lý học Xã hội quân sự.

11. Khoa Sư phạm quân sự: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử Giáo dục học và giáo dục học đại cương; Bộ môn Lý luận dạy học; Bộ môn Lý luận giáo dục; Bộ môn Quản lý giáo dục; Bộ môn Phương pháp dạy học Khoa học xã hội nhân văn.

12. Khoa Hồ Chí Minh học: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự.

13. Khoa Nhà nước và Pháp luật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Nhà nước và quản lý Nhà nước; Bộ môn Luật học (trừ các trường hợp tuyển dụng ngoài Quân đội); Bộ môn Thanh tra Quốc phòng.

IV. HỌC VIỆN HẬU CẦN

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp sư đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1.1. Khoa Chỉ huy Hậu cần: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Hậu cần Chiến đấu; Bộ môn Chỉ huy Tham mưu; Bộ môn Hậu cần Quân sự địa phương.

1.2. Khoa Hậu cần Chiến dịch: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Hậu cần chiến dịch; Bộ môn Hậu cần chung; Bộ môn Hậu cần Quân chủng, biên phòng.

1.3. Khoa Quân nhu: Bộ môn Bảo đảm.

1.4. Khoa Xăng dầu: Bộ môn Bảo đảm.

1.5. Khoa Doanh trại: Bộ môn Bảo đảm.

2. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

2.1. Khoa Quân sự: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật; Bộ môn Quân sự chung; Bộ môn Quân chủng, Binh chủng; Bộ môn QSĐP; Bộ môn Đường lối lịch sử quân sự-Nghệ thuật chiến dịch.

2.2. Khoa CTĐ, CTCT: 03 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý giáo dục; Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.3. Khoa Lý luận Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh (không tính các đồng chí giảng viên nữ)

2.4. Khoa Vận tải: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chỉ huy vận tải; Bộ môn Tổ chức vận tải.

3. Giảng viên ngạch khởi đầu, ngạch chính qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch cao cấp qua

thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp sư đoàn và tương đương trở lên; gồm: 3.1. Khoa Chỉ huy Hậu cần: Bộ môn Quân y. 3.2. Khoa Quân nhu: Bộ môn Sản xuất. 3.3. Khoa Xăng dầu: Bộ môn Kỹ thuật. 3.4. Khoa Tài chính: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Tài chính; Bộ môn Kế toán.
V. HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ
1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chuyên môn cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng Khoa Chỉ huy tham mưu kỹ thuật, giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên); gồm:
1.1. Khoa Hóa - Lý kỹ thuật: 03 Bộ môn, 01 Trung tâm gồm: Bộ môn Phòng hóa; Bộ môn Kỹ thuật môi trường; Bộ môn Công nghệ hóa học; Trung tâm Hóa - Lý kỹ thuật (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.10. Viện Công nghệ thông tin và truyền thông: 04 Bộ môn, 02 Trung tâm, 02 Phòng gồm Bộ môn Công nghệ phần mềm; Bộ môn An toàn thông tin - Công nghệ mạng; Bộ môn Hệ thống thông tin; Bộ môn Khoa học máy tính; Trung tâm Máy tính (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Toán ứng dụng và tin học (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Tư vấn chuyển giao công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.2. Khoa Cơ khí: 07 Bộ môn gồm Bộ môn Vật liệu và công nghệ vật liệu; Bộ môn Gia công áp lực; Bộ môn Quản lý khoa học và công nghệ; Bộ môn Chế tạo máy; Bộ môn Nhiệt thủy khí; Bộ môn Cơ học máy; Bộ môn Cơ học vật rắn.
1.3. Khoa Vũ khí: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Vũ khí; Bộ môn Đạn; Bộ môn Khí tài quang học; Bộ môn Thuật phóng và điều khiển hỏa lực; Bộ môn Thuốc phóng thuốc nổ.
1.4. Khoa Hàng không vũ trụ: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Động cơ phản lực; Bộ môn Thiết kế hệ thống kết cấu thiết bị bay; Bộ môn Cơ điện tử và chế tạo máy đặc biệt; Bộ môn Công nghệ thiết bị và hàng không vũ trụ.
1.5. Khoa Vô tuyến điện tử: 06 Bộ môn, 01 Xưởng gồm Bộ môn Ra đa; Bộ môn Cơ sở kỹ thuật vô tuyến; Bộ môn Thông tin; Bộ môn Lý thuyết mạch - đo lường; Bộ môn Kỹ thuật vi xử lý; Bộ môn Tác chiến điện tử; Xưởng điện tử (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.6. Khoa Chỉ huy tham mưu kỹ thuật: 05 Bộ môn gồm: Bộ môn Cơ sở bảo đảm kỹ thuật; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật binh chủng hợp thành; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật quân chủng; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật binh chủng; Bộ môn Chỉ huy cơ sở kỹ thuật.
1.7. Viện Công nghệ mô phỏng (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).

1.8. Viện Kỹ thuật công trình đặc biệt: 06 Bộ môn, 03 Trung tâm, 01 Phòng, 01 Ban gồm: Bộ môn Xây dựng công trình quốc phòng; Bộ môn Cơ sở kỹ thuật công trình; Bộ môn Xây dựng nhà và công trình công nghiệp; Bộ môn Đường-Sân bay; Bộ môn Cầu vượt sông; Bộ môn Trắc địa bản đồ; Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và kiểm định chất lượng công trình (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Nghiên cứu địa hình (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Tư vấn xây dựng (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Ban Quản lý chất lượng (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.9. Viện Tích hợp hệ thống: 02 Bộ môn, 02 Trung tâm, 02 Phòng gồm Bộ môn Công nghệ điện tử; Bộ môn Tự động hóa chỉ huy; Trung tâm Nghiên cứu thiết kế hệ thống (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Nghiên cứu thiết kế vi mạch chuyên dụng (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Tư vấn chuyên giao công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên)
1.11. Viện Cơ khí động lực: 04 Bộ môn, 01 Trung tâm, 02 Phòng gồm Bộ môn Tăng, Thiết giáp; Bộ môn Xe ô tô; Bộ môn Xe máy công binh; Bộ môn Động cơ;. Trung tâm Cơ khí động lực (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Tư vấn chuyển giao công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.12. Viện Tên lửa và kỹ thuật điều khiển: 04 Bộ môn, 02 Trung tâm, 02 Phòng gồm Bộ môn Tự động và kỹ thuật tính; Bộ môn Kỹ thuật điện; Bộ môn Tên lửa; Bộ môn Điện tử y sinh; Trung tâm Điện tử y sinh (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Nghiên cứu, phát triển các hệ thống điều khiển và thiết bị bay (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Trung tâm Điện tử y sinh (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Kế hoạch - Tổng hợp (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên); Phòng Tư vấn chuyển giao công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.14. Trung tâm Kỹ thuật Vũ khí (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.15. Trung tâm Kỹ thuật Viễn thông (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.16. Trung tâm Nghiên cứu phát triển các hệ thống điều khiển và thiết bị bay (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.17. Trung tâm Công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.13. Trung tâm Nghiên cứu xuất sắc an toàn thông tin (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.18. Trung tâm Huấn luyện 125 - Vĩnh Phúc: Bộ môn Thực hành Xe máy, Bộ môn Thực hành Quân khí, Xưởng Cơ điện (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.19. Trung tâm Thiết kế, thử nghiệm đầu tự dẫn và hệ thống điều khiển trên khoang (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
1.20. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).

- 1.21. Trung tâm Hợp tác quốc tế khoa học công nghệ Việt - Nhật (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
- 1.22. Trung tâm Nghiên cứu, sản xuất chế thử và chuyển giao công nghệ phía Nam (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
- 1.23. Trung tâm Nghiên cứu bảo đảm kỹ thuật và chuyển giao công nghệ (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).
- 1.24. Trung tâm Nghiên cứu trọng điểm về trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).

2. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

- 2.1. Khoa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- 2.2. Khoa CTĐ, CTCT: 04 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý giáo dục; Bộ môn Lịch sử Đảng; Bộ môn Nhà nước và Pháp luật.
- 2.3. Khoa Quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Nghệ thuật chiến dịch; Bộ môn Quân sự chung; Bộ môn Chiến thuật.

VI. HỌC VIỆN QUÂN Y

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

- 1.1. Khoa Lý luận Mác Lênin: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học Mác-Lênin; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- 1.2. Khoa CTĐ, CTCT: 03 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý - Giáo dục quân sự.
- 1.3. Khoa Quân sự: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật-Chiến dịch; Bộ môn Quân sự chung; (trừ Bộ môn Huấn luyện thể lực, thể thao quân sự).

2. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chuyên môn cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chuyên môn cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chuyên môn cơ quan quân y cấp chiến dịch-chiến lược; gồm:

Khoa Chỉ huy tham mưu Quân y: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Chỉ huy tham mưu lục quân; Bộ môn Chỉ huy tham mưu Hải quân; Bộ môn Chỉ huy tham mưu không quân; (trừ Bộ môn y tế cộng đồng).

3. Giảng viên các bộ môn chuyên ngành y, dược nhìn chung phải qua thực tế công tác chuyên môn ở các bệnh xá, bệnh viện cho phù hợp với đối tượng giảng dạy.

VII. HỌC VIỆN PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

1. Đối với giảng viên cấp phân đội: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên. Đối với giảng viên cấp trung, sư đoàn: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1.1 Khoa Chiến thuật-Chiến dịch: 08 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật không quân tiêm kích và tiêm kích bom; Bộ môn Chiến thuật không quân trực thăng, vận tải; Bộ môn Chiến thuật trung đoàn tên lửa; Bộ môn Chiến thuật trung đoàn Ra đa; Bộ môn Chiến thuật trung đoàn pháo phòng không; Bộ môn Nghiên cứu quân sự nước ngoài; Bộ môn Chiến thuật-Chiến dịch binh chủng hợp thành; Bộ môn Chiến dịch Phòng không-Không quân.

1.2 Khoa Tên lửa: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Binh khí tên lửa tầm trung; Bộ môn Binh khí tên lửa tầm gần; Bộ môn Bệ đạn; Bộ môn Xạ kích-công tác chiến đấu; Bộ môn Chiến thuật phân đội.

1.3. Khoa Pháo phòng không- Tên lửa tầm thấp: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Binh khí Súng, pháo phòng không; Bộ môn Khí tài pháo phòng không; Bộ môn Xạ kích-công tác chiến đấu; Bộ môn Chiến thuật phân đội; Bộ môn Tên lửa tầm thấp.

1.4. Khoa Ra đa: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Ra đa sóng mét; Bộ môn Ra đa sóng đề xi mét; Bộ môn Ra đa sóng xăng ti mét; Bộ môn Chiến thuật phân đội Ra đa; Bộ môn Công tác chiến đấu Ra đa.

1.5. Khoa Chỉ huy Tham mưu: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Tham mưu không quân; Bộ môn Tham mưu phòng không; Bộ môn Huấn luyện chiến đấu, an toàn, quản lý điều hành bay.

1.6. Khoa Dẫn đường-Khí tượng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Dẫn đường; Bộ môn Bảo đảm dẫn đường, khí tượng; Bộ môn Ứng dụng vũ khí, hiệu suất chiến đấu.

1.7. Khoa Thông tin, tác chiến điện tử: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Thông tin; Bộ môn Binh khí tác chiến điện tử; Bộ môn Công tác chiến đấu tác chiến điện tử; Bộ môn Chiến thuật tác chiến điện tử.

1.8. Khoa Quân sự chung: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Bảo đảm chỉ huy; Bộ môn Quân sự.

1.9. Khoa Kỹ thuật hàng không: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Máy bay động cơ; Bộ môn Thiết bị hàng không; Bộ môn Vũ khí hàng không; Bộ môn Vô tuyến điện tử; Bộ môn Chỉ huy kỹ thuật.

1.10. Khoa Kỹ thuật cơ sở: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật điện; Bộ môn Tự động hóa điều khiển; Bộ môn Vật liệu, linh kiện, tay nghề; Bộ môn Cơ sở Ra đa; Bộ môn Đo lường; Bộ môn Cơ lý thuyết.

1.11. Khoa CTĐ, CTCT: 04 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý học quân sự và Giáo dục học quân sự; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN.

1.12. Khoa Lý luận Mác-Lê nin: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học; Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

VIII. HỌC VIỆN HẢI QUÂN

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên, giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng Bộ môn Công tác CHTM HC-KT: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Chiến thuật - Chiến dịch Hải quân: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Nghệ thuật chiến dịch Hải quân; Bộ môn Chiến thuật Tàu ngầm; Bộ môn Chiến thuật Tàu mặt nước; Bộ môn Chiến thuật Hải quân; Bộ môn Chiến thuật Hải quân đánh bộ; Bộ môn Chiến thuật quân binh chủng.

2. Khoa Chỉ huy Tham mưu: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Chỉ huy - Tham mưu; Bộ môn Trinh sát hải quân; Bộ môn Phương pháp huấn luyện; Bộ môn Lịch sử quân sự, đường lối quân sự; Bộ môn Địa lý hải quân; Bộ môn Công tác chỉ huy tham mưu Hậu cần-Kỹ thuật.

3. Khoa CTĐ, CTCT: 03 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý và Giáo dục học quân sự; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN.

4. Khoa Cơ điện: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Máy tàu; Bộ môn Điện tàu; Bộ môn Tuốc bin khí; Bộ môn Lý thuyết sức sống tàu; Bộ môn Tham mưu ngành cơ điện.

5. Khoa Hàng hải: 07 Bộ môn gồm Bộ môn Tham mưu ngành Hàng hải; Bộ môn Máy hàng hải; Bộ môn Thiên văn; Bộ môn Địa văn; Bộ môn Thực hành trên biển; Bộ môn Khai thác kinh tế biển; Bộ môn Khí tượng - Hải dương - Môi trường biển.

6. Khoa Tên lửa - Pháo tàu: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Tên lửa bờ; Bộ môn Tên lửa tàu; Bộ môn Pháo tàu; Bộ môn Tham mưu ngành Tên lửa-Pháo tàu; Bộ môn Điều khiển tên lửa, pháo.

7. Khoa Vũ khí dưới nước: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Ngư lôi - Bom; Bộ môn Tham mưu ngành Vũ khí dưới nước; Bộ môn Điều khiển vũ khí dưới nước; Bộ môn Thủy lôi & phương tiện rà phá; Bộ môn Sử dụng chiến đấu thủy lôi & phương tiện rà phá.

8. Khoa Thông tin - Ra đa: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Khai thác khí tài ra đa; Bộ môn Khai thác khí tài thông tin; Bộ môn Tham mưu ngành Thông tin; Bộ môn Khai thác khí tài Sona; Bộ môn Tham mưu ngành Ra đa - Sô na.

9. Khoa Cảnh sát biển (CSB): 03 Bộ môn gồm Bộ môn Luật Biển; Bộ môn Nghiệp vụ CSB; Bộ môn Chiến thuật CSB.

10. Khoa Quân sự - Thể thao: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Công tác đảm bảo; Bộ môn Quân sự cơ bản.

11. Khoa Lý luận Mác Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Triết học; Bộ môn Kinh tế - Chính trị; Bộ môn CNXH khoa học.

12. Trung tâm Huấn luyện mô phỏng tác chiến (đối với cán bộ theo ngạch giảng viên).

IX. HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

1. Giảng viên ngạch khởi đầu, ngạch chính qua thực tế trợ lý nghiệp vụ (hoặc trợ lý nghiên cứu) các Cục, Viện và đơn vị tương đương trở lên; Giảng viên ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy, quản lý cấp phòng thuộc các Cục, Viện và tương đương trở lên thuộc Tổng cục II; gồm:

1.1. Các bộ môn thuộc Khoa Điệp báo Chiến lược Bình phong công khai, Khoa Điệp báo Chiến lược Bất hợp pháp; Khoa Điệp báo Chiến lược Chiến dịch; Khoa Chỉ huy tham mưu tình báo; Khoa Kiến thức điệp báo; Khoa Kỹ thuật Trinh sát kỹ thuật.

1.2. Khoa Chiến thuật trinh sát kỹ thuật: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận Trinh sát kỹ thuật; Bộ môn Tổ chức Trinh sát kỹ thuật.

1.3. Phân viện Khoa học quân sự: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Điệp báo chiến lược; Bộ môn Kiến thức đối tượng tình báo.

2. Giảng viên Khoa Đặc nhiệm-Quân sự gồm 02 Bộ môn (Bộ môn Kỹ thuật; Bộ môn Chiến thuật): ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp phân đội trinh sát đặc nhiệm và tương đương trở lên hoặc đã qua chức danh có hệ số chức vụ từ 0,4 trở lên thuộc các đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy, quản lý cấp Đội trinh sát đặc nhiệm và tương đương trở lên thuộc Tổng cục II hoặc đã qua chức danh có hệ số chức vụ từ 0,5 trở lên thuộc các đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu).

3. Giảng viên Khoa Quan hệ quốc tế gồm 03 Bộ môn (Bộ môn Luật Quốc tế, Bộ môn Quan hệ quốc tế, Bộ môn Lễ tân đối ngoại): ngạch khởi đầu, ngạch chính qua thực tế trợ lý; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy, quản lý cấp phòng thuộc Viện B26, Cục 25 thuộc Tổng cục II hoặc Cục Đối ngoại/BQP.

4. Giảng viên Khoa CTĐ, CTCT gồm 03 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý học quân sự và giáo dục quân sự; Giảng viên các bộ môn Khoa Lý luận Mác-Lênin: ngạch khởi đầu, ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp Đội hoặc trợ lý nghiên cứu, trợ lý nghiệp vụ các Cục, Viện và đơn vị tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp lữ đoàn hoặc Phó trưởng phòng nghiệp vụ thuộc các Cục, Viện, các đơn vị tương đương trở lên thuộc Tổng cục II.

X. HỌC VIỆN BIÊN PHÒNG

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đội, trạm thuộc đồn biên phòng và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp đồn biên phòng và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp cấp phòng thuộc BCH BDBP cấp tỉnh và tương đương trở lên (Riêng Bộ môn Hậu cần - Kỹ thuật: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ chuyên môn cơ quan hậu cần, kỹ thuật thuộc BCH BDBP cấp tỉnh; giảng viên ngạch chính,

ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan hậu cần, kỹ thuật thuộc BCH BDBP cấp tỉnh); gồm:

1. Khoa Biên phòng: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung về quản lý, bảo vệ biên giới; Bộ môn Tham mưu, tổ chức chỉ huy bảo vệ biên giới; Bộ môn Đối ngoại biên phòng; Bộ môn Vận động quần chúng quản lý, bảo vệ biên giới.
2. Khoa Trinh sát: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung về nghiệp vụ trinh sát biên phòng; Bộ môn Nghiệp vụ cơ bản trinh sát biên phòng; Bộ môn Phòng, chống gián điệp; Bộ môn Phòng, chống phản động; Bộ môn Tình báo.
3. Khoa Phòng chống ma túy và tội phạm: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung về ma túy và tội phạm; Bộ môn Nghiệp vụ cơ bản về ma túy và tội phạm; Bộ môn Phòng ngừa và đấu tranh về ma túy và tội phạm; Bộ môn Khoa học hình sự; Bộ môn Điều tra hình sự.
4. Khoa Cửa khẩu: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận chung về quản lý cửa khẩu; Bộ môn Tổ chức chỉ huy quản lý cửa khẩu; Bộ môn Nghiệp vụ quản lý cửa khẩu.
5. Khoa Pháp luật: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Nhà nước và pháp luật; Bộ môn Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự; Bộ môn Luật Hành chính; Bộ môn Luật Dân sự và Luật Quốc tế.
6. Khoa Chiến thuật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Đường lối và nghệ thuật quân sự; Bộ môn Chiến thuật Biên phòng; Bộ môn Chiến thuật binh chủng hợp thành.
7. Khoa Võ thuật - Đặc nhiệm: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Võ thuật biên phòng; Bộ môn Đặc nhiệm biên phòng; Bộ môn Giáo dục thể chất.
8. Khoa CTĐ, CTCT: 03 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý học và Giáo dục học quân sự.
9. Khoa Lý luận Mác - Lê Nin: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học Mác - Lê nin; Bộ môn Kinh tế chính trị học Mác - Lê Nin; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
10. Khoa Quân sự: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật Quân sự; Bộ môn Điều lệnh; Bộ môn Quân sự đảm bảo; Bộ môn Hậu cần - Kỹ thuật.

XI. TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 1

Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng giảng viên là cán bộ hậu cần Bộ môn Hậu cần quân sự, Khoa Quân sự chung: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên. Giảng viên là cán bộ hậu cần Bộ môn Công tác hậu cần tham mưu QSDP, Khoa QSDP: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế trợ lý; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cấp phòng (ban) cơ quan hậu cần BCHQS cấp tỉnh và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Chiến thuật: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật cơ sở; Bộ môn Chiến thuật tiểu đội; Bộ môn Chiến thuật trung đội; Bộ môn Chiến thuật đại đội; Bộ môn Chiến thuật tiểu đoàn; Bộ môn Chiến thuật bộ binh cơ giới.
2. Khoa Kỹ thuật chiến đấu bộ binh 07 Bộ môn gồm: Bộ môn Bắn súng BB1; Bộ môn Bắn súng BB2; Bộ môn Bắn súng BB3; Bộ môn Bắn súng bộ binh cơ giới; Bộ môn Bắn súng trinh sát; Bộ môn Bắn súng quốc tế; Bộ môn kỹ thuật bộ binh.
3. Khoa Quân sự chung: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Điều lệnh đội ngũ; Bộ môn Tham mưu chỉ huy; Bộ môn Địa hình quân sự; Bộ môn Quản lý bộ đội; Bộ môn Hậu cần quân sự; Bộ môn Lịch sử đường lối quân sự.
4. Khoa Binh chủng: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật hỏa khí đi cùng; Bộ môn Kỹ thuật hỏa khí đi cùng; Bộ môn Công binh; Bộ môn Xe máy; Bộ môn Thông tin - Tác chiến điện tử; Bộ môn Hóa học.
5. Khoa Sư phạm quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận sư phạm quân sự; Bộ môn Phương pháp huấn luyện chiến thuật; Bộ môn Phương pháp huấn luyện kỹ thuật.
6. Khoa Trinh sát: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật trinh sát; Bộ môn Chiến thuật trinh sát; Bộ môn Nghiệp vụ trinh sát; Bộ môn Quân sự nước ngoài.
7. Khoa QSĐP: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận QSĐP; Bộ môn Chiến thuật dân quân tự vệ; Bộ môn Công binh vũ khí tự tạo.
8. Khoa Thể thao: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Thể thao quần chúng; Bộ môn Thể thao quân sự; Bộ môn Võ thuật (trừ số giảng viên tuyển dụng).
9. Khoa CTĐ, CTCT: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận nguyên tắc chung; Bộ môn CTĐ, CTCT trong các nhiệm vụ; Bộ môn Giáo dục học quân sự; Bộ môn Tâm lý học quân sự; Bộ môn Lịch sử Đảng; Bộ môn Nhà nước và pháp luật.
10. Khoa Lý luận Mác - Lênin: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học Mác-Lênin; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Logic học.

XII. TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 2

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở (Riêng Bộ môn Hậu cần-quân y: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Chiến thuật: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật cá nhân, tổ, tiểu đội; Bộ môn Chiến thuật trung đội; Bộ môn Chiến thuật đại đội; Bộ môn Chiến thuật tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh; Bộ môn Chiến thuật quốc tế.
2. Khoa CTĐ, CTCT: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận, nguyên tắc chung về CTĐ, CTCT; Bộ môn CTĐ, CTCT trong các nhiệm vụ; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý - Giáo dục; Bộ môn Nhà nước và pháp luật.
3. Khoa Lý luận Mác - Lênin: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học (không tính giảng

viên nữ); Bộ môn Kinh tế Chính trị; Bộ môn CNXH; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Khoa Kỹ thuật bộ binh: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Bắn súng 1; Bộ môn Bắn súng 2; Bộ môn Bắn súng 3; Bộ môn bắn súng quốc tế; Bộ môn kỹ thuật bộ binh.

5. Khoa Quân sự chung: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Điều lệnh Đội ngũ; Bộ môn Địa hình quân sự; Bộ môn Hậu cần-Quân y; Bộ môn Công tác Tham mưu.

6. Khoa Binh chủng: 08 Bộ môn gồm Bộ môn Pháo binh; Bộ môn Pháo phòng không; Bộ môn Chiến thuật hỏa khí đi cùng; Bộ môn Kỹ thuật hỏa khí đi cùng; Bộ môn Kỹ thuật Ô tô - Tăng Thiết giáp; Bộ môn Thông tin - Tác chiến điện tử; Bộ môn Hóa học; Bộ môn Công binh

7. Khoa Trinh sát: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật trinh sát; Bộ môn Chiến thuật trinh sát bộ binh; Bộ môn Chiến thuật trinh sát đặc nhiệm; Bộ môn Nghiệp vụ trinh sát.

8. Khoa Sư phạm quân sự: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận sư phạm quân sự; Bộ môn Phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu BB; Bộ môn Phương pháp huấn luyện chiến thuật.

9. Khoa Quân sự địa phương: 02 bộ môn gồm Bộ môn Lý luận Quân sự địa phương; Bộ môn Lịch sử - Đường lối quân sự.

10. Khoa Thể dục thể thao: Bộ môn Thể thao quân sự.

XIII. TRƯỜNG SĨ QUAN CHÍNH TRỊ

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng Bộ môn Hậu cần - Tài chính: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Triết học Mác-Lênin: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Duy vật biện chứng; Bộ môn Duy vật lịch sử; Bộ môn Lịch sử Triết học và logic học; Bộ môn Học thuyết Mác-Lênin và chiến tranh quân đội; Bộ môn Vô thần - Đạo đức - Mỹ học.

2. Khoa Lịch sử ĐCSVN: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Đường lối quân sự; Bộ môn Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Bộ môn Cách mạng XHCN; Bộ môn Phương pháp luận sử học.

3. Khoa CTĐ, CTCT: **07** Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận nguyên tắc chung; Bộ môn Công tác tư tưởng; Bộ môn Công tác tổ chức; Bộ môn CTĐ, CTCT trong các nhiệm vụ; Bộ môn CTĐ, CTCT trong công tác quân sự quốc phòng địa phương; Bộ môn Văn học nghệ thuật; Bộ môn Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị.

4. Khoa Chiến thuật: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật tiến công; Bộ môn Chiến thuật phòng ngự; Bộ môn Chỉ huy tham mưu; Bộ môn Phương pháp huấn luyện chiến thuật; Bộ môn QSĐP.

5. Khoa Kinh tế Chính trị: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Kinh tế TBCN; Bộ môn Kinh tế XHCN; Bộ môn Lịch sử tư tưởng kinh tế.
6. Khoa CNXH khoa học: **04** Bộ môn gồm Bộ môn Nguyên lý CNXH khoa học; Bộ môn Dân tộc - Xã hội - Dân số môi trường; Bộ môn Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa; Bộ môn Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
7. Khoa Tâm lý học quân sự: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Lịch sử tâm lý học và Sinh lý học thần kinh cấp cao; Bộ môn Tâm lý học hoạt động quân sự; Bộ môn Tâm lý học nhân cách; Bộ môn Tâm lý học xã hội.
8. Khoa Bắn súng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Quy tắc thực hành bắn súng bộ binh; Bộ môn Hỏa khí đi cùng; Bộ môn Binh khí, nguyên lý bắn súng bộ binh.
9. Khoa Quân sự chung: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Điều lệnh; Bộ môn Quân, binh chủng; Bộ môn Địa hình quân sự; Bộ môn Hậu cần - Kỹ thuật.
10. Khoa Giáo dục Thể chất: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Thể thao quần chúng; Bộ môn Thể thao quân sự; Bộ môn võ thuật.
11. Khoa Sư phạm quân sự: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận dạy học; Bộ môn Phương pháp dạy học và nghiên cứu khoa học; Bộ môn Giáo dục và Quản lý giáo dục; Bộ môn Lịch sử giáo dục học.
12. Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị xã hội; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự.
13. Khoa Nhà nước và Pháp luật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận về Nhà nước; Bộ môn Pháp luật; Bộ môn Soạn thảo văn bản quản lý nhà nước.

XIV. TRƯỜNG SĨ QUAN PHÁO BINH

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên (Riêng Bộ môn Hậu cần- Quân y: Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ cơ quan chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cơ quan cơ quan cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên); gồm:

1. Khoa Khoa học xã hội: 07 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tâm lý; Bộ môn Lịch sử Đường lối; Bộ môn Kinh tế Chính trị; Bộ môn Triết học; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Khoa Chiến thuật: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật pháo binh 1 (Trung cấp); Bộ môn Chiến thuật pháo binh 2 (Sơ cấp 1); Bộ môn Chiến thuật pháo binh 3 (Sơ cấp 2); Bộ môn Chiến thuật pháo binh 4 (Sơ cấp 3); Bộ môn Binh chủng hợp thành - Lịch sử quân sự; Bộ môn Thông tin - Tác chiến điện tử.
3. Khoa Bắn pháo: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Bắn pháo 1; Bộ môn Bắn pháo 2; Bộ môn Thuật phóng ngoài; Bộ môn Chỉ huy bắn.
4. Khoa Binh thao: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Thao tác; Bộ môn Binh khí; Bộ môn Xe máy; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật.

5. Khoa Trinh sát: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Khí tài; Bộ môn Địa hình; Bộ môn Trinh sát; Bộ môn Đo đạc.
6. Khoa Quân sự chung: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Công binh; Bộ môn Vũ khí hủy diệt lớn; Bộ môn Hậu cần - Quân y; Bộ môn Điều lệnh; Bộ môn Phương pháp huấn luyện; Bộ môn Vũ khí bộ binh.
7. Khoa Tên lửa: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Chi huy phóng; Bộ môn Tên lửa chống tăng; Bộ môn Trang bị khí tài mặt đất.

XV. TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa chiến thuật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật phân đội; Bộ môn Binh chủng hợp thành; Bộ môn Bảo đảm công binh.
2. Khoa Khoa học xã hội và nhân văn (KHXXH&NV): 08 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Kinh tế Chính trị; Bộ môn Lịch sử đảng; Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Tâm lý - giáo dục.
3. Khoa Công trình: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Công sự - Ngụy trang; Bộ môn Đường hầm; Bộ môn Vật cản; Bộ môn Công tác nổ.
4. Khoa Cầu đường - vượt sông: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Cầu quân sự; Bộ môn Đường quân sự; Bộ môn Sân bay; Bộ môn Vượt sông.
5. Khoa Xe máy: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Máy cơ sở; Bộ môn Máy Công trình; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật; Bộ môn máy Vượt sông; Bộ môn Điện - Điện tử.
6. Khoa Quân sự chung: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Công tác tham mưu; Bộ môn Quân binh chủng; Bộ môn Quân sự cơ bản.

XVI. TRƯỜNG SĨ QUAN THÔNG TIN

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa Tổ chức thông tin: 02 bộ môn gồm Bộ môn Thông tin lục quân; Bộ môn Thông tin quân, binh chủng.
2. Khoa viễn thông: Bộ môn nghiệp vụ viễn thông.
3. Khoa Vô tuyến điện: Bộ môn Nghiệp vụ Vô tuyến điện.
4. Khoa Binh chủng hợp thành: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Quân binh chủng; Bộ môn Chiến thuật binh chủng hợp thành; Bộ môn Chiến thuật phân đội.
5. Khoa Quân sự chung: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật chiến đấu bộ binh; Bộ môn Điều lệnh - Thể thao; Bộ môn Phương pháp huấn luyện quân sự.
6. Khoa KHXXH&NV: 07 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Triết học Mác-Lênin; Bộ môn Kinh tế chính trị học Mác-Lênin; Bộ môn CNXH khoa học;

Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Tâm lý học - Giáo dục học Quân sự.

XVII. TRƯỜNG SĨ QUAN TĂNG - THIẾT GIÁP

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa Chiến thuật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật Chiến dịch; Bộ môn Binh chủng hợp thành; Bộ môn Chiến thuật phân đội.
2. Khoa Tham mưu Phương pháp huấn luyện: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Công tác Tham mưu; Bộ môn Phương pháp huấn luyện.
3. Khoa Quân sự chung: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Bảo đảm Chiến đấu; Bộ môn Hành chính quân sự.
4. Khoa Vũ khí: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Lý thuyết bắn; Bộ môn Thực hành bắn; Bộ môn Binh khí.
5. Khoa Thông tin Tác chiến điện tử: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Khai tác sử dụng thông tin; Bộ môn Kỹ thuật thông tin.
6. Khoa Kỹ thuật chuyên ngành xe máy: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Điện; Bộ môn Cấu tạo động cơ; Bộ môn Sử dụng sửa chữa; Bộ môn Lái tăng; Bộ môn Ô tô bánh lốp.
7. Khoa KHXH&NV: 06 Bộ môn gồm Bộ môn Triết; CTĐ, CTCT; Bộ môn Kinh tế; Bộ môn CNXH; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Khoa Kỹ thuật cơ sở: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Vẽ công nghệ; Bộ môn Cơ điện; Bộ môn Điện kỹ thuật.

XVIII. TRƯỜNG SĨ QUAN ĐẶC CÔNG

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa Chiến thuật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Công sự vững chắc; Bộ môn Binh chủng hợp thành; Bộ môn Tăng - Pháo.
2. Khoa Kỹ thuật: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Thuốc nổ; Bộ môn Khắc phục vật cản - Vận động; Bộ môn Bắn súng.
3. Khoa Thể lực - Võ: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Võ; Bộ môn Thể lực.
4. Khoa Đặc công nước: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật đặc công Nước; Bộ môn Kỹ thuật đặc công nước
5. Khoa Đặc công biệt động: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật biệt động; Bộ môn Kỹ thuật biệt động.

6. Khoa Quân sự chung: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Chỉ huy tham mưu; Bộ môn Binh chủng.
7. Khoa KHXH&NV: 09 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Lịch sử Đảng; Bộ môn Triết học; Bộ môn Tâm lý giáo dục; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Khoa Thông tin: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Vô tuyến điện báo; Bộ môn Vô tuyến điện thoại - Hữu tuyến điện.

XIX. TRƯỜNG SĨ QUAN PHÒNG HÓA

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa KHXH&NV: 05 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn Triết học, nhà nước và pháp luật; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN, Lịch sử dân tộc; Bộ môn CNXH khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tâm lý giáo dục.
2. Khoa Quân sự chung: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Điều lệnh - Thể thao; Bộ môn Kỹ - thuật chiến đấu BB; Bộ môn Quân sự chung, hành chính quân sự.
3. Khoa Chiến thuật: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Tham mưu hóa học; Bộ môn Chiến thuật tiêu tủy; Bộ môn Chiến thuật trinh sát; Bộ môn Chiến thuật Khói - Lửa, chống khủng bố, ứng phó sự cố; Bộ môn chiến thuật Binh chủng hợp thành.
4. Khoa Phòng hóa: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Khí tài đề phòng; Bộ môn khí tài trinh sát; Bộ môn môi trường, Vũ khí hủy diệt lớn; Bộ môn Bảo dưỡng sửa chữa.
5. Khoa Xe máy Hóa học: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Khí tài tiêu tủy; Bộ môn Khí tài khói lửa, cứu hộ, cứu nạn; Bộ môn Xe máy hóa học; Bộ môn Bảo dưỡng sửa chữa.

XX. TRƯỜNG SĨ QUAN KHÔNG QUÂN

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa Chỉ huy Tham mưu: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Chiến thuật không quân; Bộ môn Công tác tham mưu không quân; Bộ môn Ứng dụng dẫn đường, Ứng dụng chiến đấu; Bộ môn Dù-Tìm kiếm cứu nạn; Bộ môn Huấn luyện-An toàn bay.
2. Khoa Quân sự-Thể thao: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Quân sự chung; Bộ môn Kỹ chiến thuật bộ binh.
3. Khoa KHXH&NV: 07 Bộ môn gồm Bộ môn Triết học Mác-Lê nin; Bộ môn Kinh tế chính trị; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Lịch sử Đảng; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Tâm lý giáo dục; Bộ môn CTĐ, CTCT.
4. Khoa Máy bay động cơ: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Máy bay; Bộ môn Động cơ.
5. Khoa Vũ khí hàng không: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Phương tiện sát thương hàng không; Bộ môn Thiết bị vũ khí.

6. Khoa Thiết bị hàng không: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Thiết bị điện; Bộ môn Thiết bị đồng hồ; Bộ môn Điện khí.
7. Khoa Vô tuyến điện tử: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Ra đa và tổ hợp điều khiển vũ khí; Bộ môn Vô tuyến.
8. Khoa Kỹ thuật cơ sở: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Cơ sở kỹ thuật điện; Bộ môn Cơ sở vô tuyến điện.

XXI. TRƯỜNG SĨ QUAN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế cán bộ chuyên môn cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính, ngạch cao cấp qua thực tế cán bộ chuyên môn cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa Vũ khí: 05 Bộ môn gồm Bộ môn Nguyên lý kết cấu pháo; Bộ môn Sửa chữa pháo; Bộ môn Vũ khí bộ binh; Bộ môn Nghiệp vụ quản lý vũ khí; Bộ môn Vũ khí phòng không.
2. Khoa Đạn: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Chất nổ-Thuật phóng; Bộ môn Nguyên lý cấu tạo đạn; Bộ môn Khai thác đạn; Bộ môn Nghiệp vụ quản lý đạn.
3. Khoa Ô tô: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Nguyên lý kết cấu ô tô; Bộ môn Nguyên lý động cơ-Điện; Bộ môn Quản lý khai thác.
4. Khoa Tăng-Thiết giáp: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Nguyên lý kết cấu tăng; Bộ môn Điện-Thiết bị đặc biệt trên tăng; Bộ môn Sửa chữa tăng, thiết giáp.
5. Khoa Thực hành: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Thực hành cơ khí; Bộ môn Thực hành Vũ khí-Quang học; Bộ môn Thực hành đạn.
6. Khoa Tiêu chuẩn - Đo lường-Chất lượng: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Đo lường không điện; Bộ môn Đo lường điện; Bộ môn Đo lường vô tuyến điện.
7. Khoa Công nghệ Thông tin: 03 Bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật cơ sở vô tuyến điện và vi xử lý; Bộ môn Kỹ thuật công nghệ thông tin; Bộ môn Kỹ thuật công nghệ tin học.
8. Khoa Chỉ huy tham mưu kỹ thuật: 04 Bộ môn gồm Bộ môn Cơ sở công tác chỉ huy tham mưu kỹ thuật; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật quân khí; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật Tăng-Thiết giáp; Bộ môn Bảo đảm kỹ thuật Ô tô.
9. Khoa KHXH&NV: 07 Bộ môn gồm Bộ môn CTĐ, CTCT; Bộ môn Triết học Mác-Lê nin; Bộ môn Kinh tế chính trị Mác-Lê nin; Bộ môn CNXH khoa học; Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bộ môn Lịch sử ĐCSVN; Bộ môn Tâm lý học quân sự và Giáo dục học quân sự.
10. Khoa Quân sự: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Quân sự chung; Bộ môn Quân sự chuyên ngành.

XXII. TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUÂN ĐỘI

1. Giảng viên ngạch khởi đầu qua thực tế chỉ huy cấp đại đội và tương đương trở lên; giảng viên ngạch chính qua thực tế chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên; ngạch cao cấp qua thực tế chỉ huy cấp trung (lữ) đoàn và tương đương trở lên; gồm:

1. Khoa KHXH&NV: 02 Bộ môn gồm Bộ môn Lý luận Mác - Lênin; Bộ môn CTĐ, CTCT.
2. Khoa Quân sự thể chất: Bộ môn Quân sự